

	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
76	nt	Đất Trường cấp II	Vàm Rạch Bào	1,2
77	nt	Vàm Rạch Bào	Vàm Ông Bích	1,2
78	nt	Vàm Ông Bích	Vàm Cả Giữa (Hết ranh đất Nguyễn Văn Sơn)	1,2
79	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Trong đê)	Vàm Cả Giữa	Vàm ông Kiệt (Hết ranh đất bà Lý Thị Hoa)	1,2
80	nt	Vàm ông Kiệt	Vàm Rạch Cui (Hết ranh đất ông Trịnh Hoàng Na)	1,2
81	nt	Vàm Rạch Cui	Giáp xã Khánh Bình Đông (Hết ranh đất ông Võ Văn Dực)	1,2
82	nt	Vàm Rạch Cui (Hướng Nam)	Sông Ông Đốc (2 bờ)	1,2
83	nt	Cống Cả Giữa (Hướng Nam) 2 bờ	Sông Ông Đốc	1,2
84	nt	Ranh đất bà Nguyễn Kim Loan (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Lý Văn Út	1,2
85	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Hình (Bờ Tây)	Hết ranh đất ông Trần Văn Sự	1,2
86	nt	Cống Chồn Gầm	Sông Ông Đốc (02 bờ)	1,2
87	nt	Cống Đường Ranh (02 bờ)	Sông Ông Đốc	1,2
88	nt	Công Kênh Hội (02 bờ)	Sông Ông Đốc	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
89	nt	Cổng Kênh Ranh	Sông Ông Đốc	1,2
90	Kênh Cựa Gà (Áp 19/5)	Ranh đất ông Lê Văn Tâm	Hết ranh đất bà Nguyễn Lệ Thủy	1,2
91	Kênh Chồm Gầm (Áp 19/5)	Ranh đất bà Lê Thị Cẩm	Hết ranh đất bà Dư Thị Mỹ Quyết	1,2
	Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,5 - 2,5m			1,2
3. Xã Khánh Bình Đông				
92	Lộ Ô tô về trung tâm xã	Đất bà Lê Thị Liên (Giáp xã Khánh Bình)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Sanh	1,2
93	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Sanh	Ngã tư phố Rạch Cui (Hết ranh đất ông Lê Hoàng Thạch)	1,2
94	nt	Đất UBND xã	Hết ranh đất ông Lê Văn Cẩm	1,2
95	nt	Ranh đất ông Lê Văn Cẩm (Bờ Nam Kênh Dân Quấn)	Hết ranh đất Dương Hoàng Nhân	1,2
96	Lộ Ô tô về trung tâm xã	Ranh đất ông Dương Hoàng Nhân	Hết ranh đất ông Lý Văn Hué (Bờ Nam)	1,2
97	Lộ Ô tô về Trung tâm xã (Bờ Đông - Bắc)	Hết ranh đất ông Đặng Trung Lưu (Giáp xã Khánh Bình)	Hết ranh đất ông Mai Văn Ngà (Bờ Bắc)	1,2
98	nt	Hết ranh đất ông Mai Văn Ngà (Bờ Bắc)	Ngã tư phố Rạch Cui (Hết ranh đất ông Lê Văn Diệp)	1,2
99	nt	Ngã tư phố Rạch Cui (Ranh đất ông Huỳnh Văn Nhỏ)	Hết ranh đất bà Lê Thị Quyền	1,2

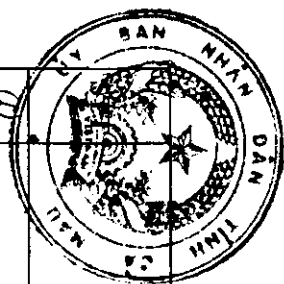


	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
100	Trung tâm xã	UBND xã về hướng kênh Tạm Cáp (Bờ Tây, ranh đất ông Huỳnh Văn Nhỏ)	Hết ranh đất bà Lê Hồng Sáu	1,2
101	nt	UBND xã về hướng kênh Tạm Cáp (Bờ Đông, ranh đất ông Trần Văn Tài)	Hết ranh đất ông Trần Văn Tấn	1,2
102	nt	Đầu kênh Xóm Nhà Ngói (Bờ Tây, Chùa Rạch Cui)	Hết ranh đất ông Nguyễn Thành Sáu	1,2
103	nt	Đầu kênh Xóm Nhà Ngói (Bờ Đông, ranh đất ông Lê Hoàng Thạch)	Hết ranh đất ông Lê Văn Ân	1,2
104	nt	UBND xã về hướng ngã ba Tầm Chánh (Bờ Đông, Chùa Rạch Cui)	Hết ranh đất ông Đặng Tấn Phát	1,2
105	nt	UBND xã về hướng ngã ba Tầm Chánh (Bờ Tây, đất bà Đặng Thị Vàng)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Thương	1,2
106	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Trong đê)	Đất ông Trương Văn Khỏe (Giáp ranh xã Khánh Bình)	Hết ranh đất ông Lê Hoàng Lắm (Vàm Tham Troi)	1,2
107	nt	Hết ranh đất ông Lê Hoàng Lắm	Giáp ranh thị trấn Trần Văn Thời (Trong đê)	1,2
108	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Trong đê, Đập Mương Cui)	Ranh đất bà Lê Thị Bé và ông Trần Quốc Đảo	Hết ranh đất ông Đặng Văn Ưt và ông Mai Văn Kinh	1,2
109	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Trong đê, Đập Lung Bà)	Ranh đất ông Ngô Khánh Lâm và Nhà văn hóa ấp Lung Bà	Hết ranh đất ông Lai Văn Chiến và ông Nguyễn Văn Lý	1,2
110	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Trong đê, Đập Rạch Nhum)	Đất ông Nguyễn Hoàng Dó (Bờ Đông kênh Rạch Nhum)	Hết ranh đất ông Nguyễn Hoàng Thế	1,2
111	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Trong đê, Kênh Tham Troi)	Ranh đất ông Nguyễn Sinh Cung (Bờ Tây kênh Tham Troi)	Hết ranh đất bà Trần Thị Hà	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
112	nt	Hết ranh đất bà Trần Thị Hà	Hết ranh đất bà Hồ Thị Chơn	1,2
113	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Trong đê, Kênh Tham Trới, Bờ Đông)	Đất ông Lê Minh Dân (Bờ Đông kênh Tham Trới)	Hết ranh đất bà Mạc Thị Góp	1,2
114	nt	Ranh đất ông Trần Thanh Phong	Hết ranh đất ông Phạm Văn Thấy	1,2
115	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Trong đê, Kênh Gạch Nhum)	Ranh đất bà Nguyễn Thị Lờ (Bờ Đông kênh Rạch Nhum)	Hết ranh đất ông Nguyễn Hoàng Đồ	1,2
116	nt	Đất Trụ sở văn hóa ấp Rạch Nhum	Hết ranh đất ông Trần Văn Tiến	1,2
117	nt	Đất ông Kiều Văn Phú (Bờ Tây Ngọn Rạch Nhum)	Hết ranh đất ông Trần Văn Giàu	1,2
118	nt	Ranh đất ông Trần Văn Giàu (Bờ Tây Ngọn Rạch Nhum)	Hết ranh đất ông Trần Văn So	1,2
119	nt	Đất ông Trần Văn Lén (Bờ Đông Ngọn Rạch Nhum)	Hết ranh đất ông Lê Văn Ân	1,2
120	nt	Ranh đất ông Kiều Văn Phú (Bờ Bắc kênh Bà Kẹo)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Cung	1,2
121	nt	Đất ông Quách Văn Nhom (Bờ Nam kênh Bà Kẹo)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Út	1,2
122	nt	Đầu kênh Bà Kẹo (Bờ Tây kênh Rạch Nhum)	Hết ranh đất Trụ sở văn hóa ấp Rạch Nhum (Đầu kênh Bến Mả)	1,2
123	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Ngoài đê)	Ranh đất ông Lê Văn Vui (Ngoài đê)	Hết ranh đất ông Huỳnh Trung Vũ	1,2

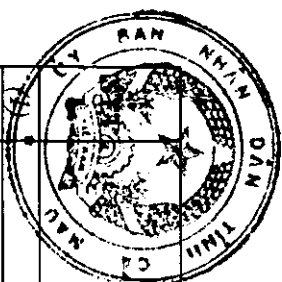
Đường, tuyến lộ, khu vực		Tư		Đến		chính giá đất năm 2015 (K)
(2)		(3)		(4)		(5)
nt		Hết ranh đất ông Huỳnh Trung Vũ		Giáp ranh thị trấn Trần Văn Thới (Ngoài đê)		1,2
Ngã ba Tám Chánh		Đất ông Võ Duy Nghi (Bờ Đông kênh Tám Chánh)		Hết ranh đất bà Mạc Thị Góp		1,2
nt		Đất ông Võ Văn Luận, hướng về đường Cuộc (Bờ Tây kênh Tám Chánh)		Hết ranh đất ông Cao Văn Phán		1,2
nt		Hết ranh đất ông Trần Văn Tân (Bờ Đông kênh Tám Chánh)		Hết ranh đất ông Trần Văn Hương		1,2
nt		Hết ranh đất ông Võ Duy Nghi (Bờ Tây kênh Đường Cuộc)		Hết ranh đất ông Thái Trung Kiên		1,2
nt		Đất ông Nguyễn Tấn Tài		Hết ranh đất ông Trần Văn Tân		1,2
nt		Đất ông Từ Văn Vĩnh (Bờ Tây kênh Tám Chánh)		Ranh đất ông Nguyễn Văn Thương		1,2
nt		Đất ông Nguyễn Văn Ngươn		Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tráng		1,2
nt		Trụ sở sinh hoạt văn hóa ấp 4 (Bờ Bắc)		Hết ranh đất ông Lê Văn Quý		1,2
nt		Đất ông Trần Văn Phén (Bờ Nam)		Hết ranh đất bà Đoàn Thị Thứ		1,2
nt		Đất Trường Tiểu học 3		Hết ranh đất ông Trần Văn Quân		1,2
Xã Khánh Tây cũ		Đất bà Trần Thị Định (Bờ Tây, về hướng kênh Sole)		Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Du (Giáp xã Trần Hới)		1,2
nt		Đất Trường cấp I		Hết ranh đất ông Đặng Văn Gao		1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
137	nt	Đất ông Tiêu Văn Phong (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Trần Văn Thôn	1,2
138	nt	Đất ông Trần Thành	Giáp ranh xã Khánh Bình	1,2
139	nt	Đất Nghĩa trang cũ (Về hướng ngã 3 Lò Đường)	Hết ranh đất ông Lê Văn Bé	1,2
140	Xã Khánh Tây cũ	Ranh đất bà Trần Thị Định (Bờ Tây kênh Dân Quân)	Hết ranh đất ông Quách Kim (Đầu kênh Công nghiệp)	1,2
141	nt	Đất ông Trần Thanh Phong	Hết ranh đất ông Đặng Văn Tòng	1,2
142	Ngã tư Sole	Ranh đất ông Trần Văn Út (Về hướng Khánh Tây cũ)	Hết ranh đất ông Nguyễn Thành Trung	1,2
143	nt	Đất ông Trần Văn Út (Về hướng Tầm Chánh)	Hết ranh đất ông Lê Văn Quý	1,2
144	Ngã ba Lò Đường	Ranh đất ông Bùi Văn Đực	Hết ranh đất Ủy ban nhân dân xã quản lý	1,2
145	Ngã Tư Sole	Ranh đất ông Nguyễn Văn Du (Bờ Đông kinh 1/5)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Quang (Giáp kênh xáng Vồ Dơi)	1,2
146	nt	Trụ sở sinh hoạt ấp Minh Hà A (Bờ Tây Kinh 1/5)	Hết ranh đất ông Đinh Văn Mẫn (Giáp kênh xáng Vồ Dơi)	1,2
147	Nông trường cũ	Nông trường cũ (Ngã ba Minh Hà)	Hết ranh đất Trường Tiểu học IV	1,2
148	Kênh Kiểm Lâm	Ranh đất ông Hồng Thanh Tâm	Hết ranh Nông Trường Bộ	1,2
149	Kênh Cơi Tư 14	Hết ranh đất bà Nguyễn Kim Khôn	Hết ranh đất ông Trịnh Thái Sơn (Mén)	1,2



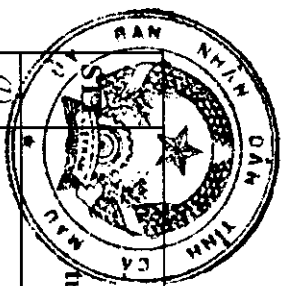
Đường, tuyến lộ, khu vực		Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
150	Kênh Giã Đông	Ranh đất trường tiểu học 3	Hết ranh đất bà Dương Hồng Uyển	1,2
151	Kênh Tăng Móc (Bờ Đông)	Ranh đất ông Trần Tứ	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Nguyễn	1,2
152	Kênh Tăng Móc (Bờ Tây)	Ranh đất ông Lê Minh Lý	Hết ranh đất bà Danh Thị Ân	1,2
Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,5 - 2,5m				
1,2				
4. Xã Trần Hợi				
153	UBND xã - kênh Cù	Ngã tư UBND xã (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Phạm Văn Diên	1,2
154	nt	Ranh đất ông Phạm Văn Diên	Ngã ba kênh Chùa hết đất ông Tiến	1,2
155	nt	Ngã tư UBND xã (Bờ Tây)	Hết ranh đất ông Phạm Văn Diên	1,2
156	nt	Ranh đất ông Phạm Văn Diên	Hết ranh đất Trường Trung học Trần Hợi I	1,2
157	nt	Ranh đất Trường Trung học Trần Hợi I	Giáp thị trấn Trần Văn Thời	1,2
158	UBND xã - Sole	Ngã tư UBND xã bờ Nam (Hướng Đông)	Hết ranh đất Trường tiểu học Trần Hợi 3	1,2
159	nt	Hết ranh đất Trường tiểu học Trần Hợi 3	Hết ranh đất ông Lâm Văn Hả	1,2
160	nt	Ngã tư UBND xã bờ Bắc (Hướng Đông)	Hết ranh đất bà Đặng Thị Quang	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
161	nt	Hết ranh đất bà Đặng Thị Hương	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Lèo	1,2
162	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Lèo	Giáp xã Khánh Bình Đông	1,2
163	nt	Hết ranh đất ông Lâm Văn Há	Hết ranh đất ông Trần Thanh Toàn	1,2
164	nt	Hết ranh đất ông Trần Thanh Toàn	Ngã tư Sole	1,2
165	UBND xã - Kênh Đứng	Ngã tư UBND xã bờ Nam (Hương Tây)	Hết ranh đất ông Duy Ngọc Lâm	1,2
166	nt	Hết ranh đất ông Duy Ngọc Lâm	Hết ranh đất ông Bùi Văn Tài	1,2
167	nt	Ngã tư UBND xã bờ Bắc (Hương Tây)	Hết ranh đất Trần Xuân Vũ	1,2
168	nt	Hết ranh đất Trần Xuân Vũ	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Cam	1,2
169	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Cam	Cầu kênh Đứng	1,2
170	Cầu kênh Đứng - Co Xáng	Cầu kênh Đứng (Hương Bắc)	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Tươi	1,2
171	nt	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Tươi	Hết ranh đất ông Huỳnh Tấn Ngọc	1,2
172	nt	Hết ranh đất ông Huỳnh Tấn Ngọc	Hết ranh đất ông Phạm Thanh Bình	1,2
173	nt	Hết ranh đất ông Phạm Thanh Bình	Cầu Co Xáng	1,2



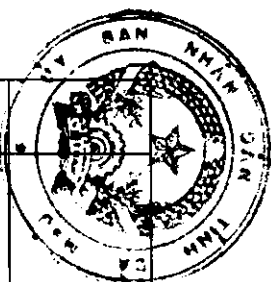
 Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)	
	Từ	Đến		
(2)	(3)	(4)	(5)	
174	nt	Cầu Co Xáng	Cầu về Vồ Dơi	1,2
175	nt	Khu thực nghiệm (Hương Đông)	Cổng T19	1,2
176	nt	Ranh đất bà Trần Thị Sa	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tri	1,2
Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,5 - 2,5m				1,2
5. Xã Khánh Bình Tây				
177	UBND xã Khánh Bình Tây - Khánh Bình Tây Bắc (Bờ Đông) (Tên cũ: Lộ Khánh Bình Tây - Khánh Bình Tây Bắc)	Trụ sở UBND xã (Tên cũ: Trụ sở UBND xã (Về hướng Bắc))	Hết ranh đất ông Năm Thanh (Tên cũ: Hết ranh đất Năm Thanh)	1,2
178	nt	Hết ranh đất ông Năm Thanh (Tên cũ: Hết ranh đất Năm Thanh)	Giáp ranh xã Khánh Bình Tây Bắc (Bờ Đông)	1,2
179	UBND xã Khánh Bình Tây - Khánh Bình Tây Bắc (Bờ Tây) (Tên cũ: Ngang Lộ Khánh Bình Tây - Khánh Bình Tây Bắc)	Ranh Trường Tiểu học A	Hết ranh đất bà Út Em	1,0
180	nt	Ranh đất ông Hai Ngọc	Giáp ranh xã Khánh Bình Tây Bắc (Bờ Tây)	1,2
181	Tuyến Coi 5 - Hòn Đá Bạc (Tên cũ: Ngang Lộ Khánh Bình Tây - Khánh Bình Tây Bắc)	Cầu Coi 5	Cầu Kênh Đứng (nhà ông Hoà Lợi) (Tên cũ: Cầu nhà ông Hòa Lợi (Phía có lộ giao thông))	1,2
182	nt	Trụ sở UBND xã (Tên cũ: Trụ sở UBND xã (Về hướng Đông))	Cầu Kênh Đứng (nhà ông Hoà Lợi) (Tên cũ: Hết ranh đất ông Hòa Lợi)	1,2

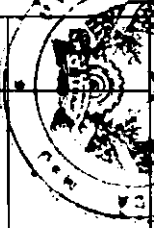
STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
183	nt	Hết ranh Trường Tiểu học A	Đầu kênh Cựa Gà Bảy Báo	1,0
184	Tuyến Cờ 5 - Hòn Đá Bạc (Tên cũ: Tuyến lộ UBND xã - Hòn Đá Bạc (Bờ Bắc))	Hết ranh đất ông Trần Văn Sai	Kênh Cựa Gà Bảy Báo (Hết ranh đất bà Sáu Chuông)	1,2
185	nt	Ranh đất ông Huỳnh Việt Hùng	Hết ranh đất ông Trần Văn Sai	1,2
186	Kênh Cờ 5 - Hòn Đá Bạc (Bờ Nam) (Tên cũ: Kênh Cờ 5)	Đầu Kênh Cờ 5	Đầu kênh Tám Kênh	1,2
187	nt	Đầu kênh Tám Kênh	Cầu Kênh Đứng (nhà ông Tư Gương) (Tên cũ: Hết ranh đất Trường THPT Võ Thị Hồng)	1,0
188	nt	Cầu Kênh Đứng	Cầu Kênh Ngang (Phía lộ nhựa) (Tên cũ: Cầu Kênh Ngang)	1,0
189	nt	Cầu Kênh Ngang	Ranh đất ông Mã Khánh Lũy (phía dưới sông) (Tên cũ: Hết ranh đất ông Mã Khánh Lũy)	1,0
190	nt	Ranh đất ông Mã Khánh Lũy (phía dưới sông) (Tên cũ: Ranh đất ông Mã Khánh Lũy)	Hết ranh đất ông Lê Tấn Đạt	1,0
191	nt	Ranh đất ông Lê Tấn Đạt	Hết ranh đất ông Phạm Văn Xuyên	1,2
192	Kênh Cờ 5 - Hòn Đá Bạc (Bờ Nam) (Tên cũ: Tuyến lộ UBND xã - Hòn Đá Bạc (Bờ Nam))	Ranh đất ông Phạm Văn Xuyên	Hết ranh đất bà Mười Thị	1,2
193	nt	Ranh đất ông Trần Minh Hoàng	Nhà Tư Gương (Cầu Kênh Đứng) (Tên cũ: Cầu nhà Tư Gương (Hương Đông))	1,0



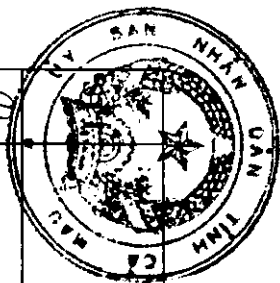
	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
194	Tuyến lộ Kênh Cơi 5 - UBND xã Khánh Bình Tây	Ranh đất ông Lâm Minh Lý	Cầu Tư Guong	1,2
195	Tuyến UBND Khánh Bình Tây - xã Khánh Hải (Bờ Đông) (Tên cũ: Tuyến lộ Kênh Cơi 5 - UBND xã Khánh Bình Tây)	Cầu nhà ông Trần Minh Hoàng	Hết ranh đất ông Lê Văn Quý	1,2
196	Tuyến UBND Khánh Bình Tây - xã Khánh Hải (Bờ Tây) (Tên cũ: Tuyến lộ Kênh Cơi 5 - UBND xã Khánh Bình Tây)	Nhà máy chà ông Lữ	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Diệp	1,2
197	Tuyến kênh cựa gà 402 (Bờ Tây) (Tên cũ: Tuyến lộ Kênh Cơi 5 - UBND xã Khánh Bình Tây)	Cầu Nông Trường	Giáp ranh xã Khánh Bình Tây Bắc	1,2
198	Tuyến UBND Khánh Bình Tây - xã Khánh Hải (Bờ Tây) (Tên cũ: UBND xã - ấp Kênh Tăm)	Ranh đất ông Phạm Hải Đăng	Hết ranh đất bà Huỳnh Thị Thơm	1,0
199	Kênh Cơi 4	Cầu Cơi 4	Hết ranh đất ông Út On	1,2
200	Khu dân cư Hòn Đá Bạc	Bờ Nam	Lô 20N	1,0
201	nt	Bờ Nam	Lô 20K	1,0
202	nt	Bờ Nam	Lô 22A	1,0
203	nt	Bờ Nam	Lô 20L	1,0
204	nt	Bờ Nam	Lô 20M	1,0
205	nt	Bờ Nam	Lô 20 F	1,0

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
206	nt	Bờ Nam	Lô 20E	1,0
207	nt	Bờ Nam	Lô 23C	1,0
208	nt	Bờ Nam	Lô 23D	1,0
209	nt	Bờ Bắc	Lô 20D	1,0
210	nt	Bờ Bắc	Lô 22L	1,0
211	nt	Bờ Bắc	Lô 20B	1,0
212	nt	Bờ Bắc	Lô 23A	1,0
213	nt	Bờ Bắc	Lô 20A	1,0
214	nt	Bờ Bắc	Lô 22M	1,0
215	nt	Bờ Bắc	Lô 20N	1,0
216	nt	Bờ Bắc	Lô 23B	1,0
217	nt	Bờ Bắc	Lô 22N	1,0
218	Kênh Tám Khệnh (Tên cũ: Kênh Tám Khệnh)	Kênh Tám Khệnh (Bờ Đông)	Giáp ranh xã Khánh Hưng	1,0
219	nt	Kênh Tám Khệnh (Bờ Tây) (Tên cũ: Kênh Tám Khệnh (Bờ Tây))	Giáp ranh xã Khánh Hưng	1,2
220	Tuyến trong đê Quốc Phòng	Cống kênh Mới	Hết ranh đất ông Lê Minh Hùng	1,2



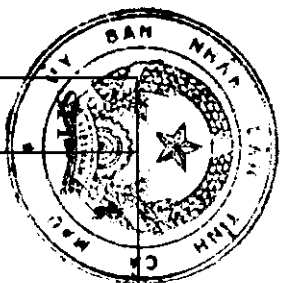
 Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)	
	Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
221	nt	Đất bà Trần Thị Tám	Hết ranh đất ông Đoàn Văn Mừng	1,2
222	Kênh Cơi 6A + Cơi 6B	Từ cầu Co Xăng	Hết ranh đất Nhà ông Kiệt (Nông trường 402)	1,2
223	Tuyến đầu Kênh Cơi 5 (Tên cũ: Kênh Cơi 5)	Cầu Cơi 5	Cầu Cơi 4	1,0
224	Tuyến đầu Kênh Cơi 5 (Tên cũ: Tuyến đầu Cơi 5)	Cầu Cơi 5	Cầu Cơi 6	1,2
225	Tuyến UBND Khánh Bình Tây - xã Khánh Hải (Bờ Đông) (Tên cũ: Tuyến đầu Cơi 5)	Ranh đất ông Lê Văn Quý	Hết ranh đất ông Nguyễn Bình An	1,2
226	Tuyến kênh Tám	Cầu Dê Biển Tây (Nhà ông Việt)	Hết ranh đất ông Nghiệu	1,2
227	Tuyến kênh Thống Nhất ấp Thới Hưng (Tên cũ: Tuyến kênh Thống Nhất)	Ranh đất ông Nghiệu	Hết ranh đất ông Trường	1,2
228	Tuyến kênh Mới	Ranh đất ông Minh	Cổng kênh Mới Dê Biển Tây	1,2
229	Tuyến UBND Khánh Bình Tây - xã Khánh Hải (Bờ Tây) (Tên cũ: Tuyến kênh Ngang đi Chính Bộ ấp Đá Bạc)	Ranh đất ông Nguyễn Văn Đáng (Tên cũ: Ranh đất ông Đáng)	Hết ranh đất ông Phạm Văn Dũng	1,2
230	Tuyến kênh Tám	Ranh đất ông Nguyễn Văn Hoa	Hết ranh đất Phạm Trung Kiên	1,2
231	Tuyến kênh Cửa Gà ấp Đá Bạc B (Bờ Đông)	Ranh đất ông Phạm Chí Tâm	Giáp xã Khánh Bình Tây Bắc	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
232	Tuyến kênh Cựa Gà áp Đá Bạc B (Bờ Tây)	Ranh đất ông Đặng Văn Hùng	Giáp xã Khánh Bình Tây Bắc (Nhà ông Trung) (2 bên)	1,2
233	Tuyến kênh Cựa Gà áp Đá Bạc B	Đất bà Đoàn Kim Chương (Bờ Tây)	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Nho	1,2
234	Tuyến kênh Ông Lão	Đất ông Nguyễn Văn Chénh (Tên cũ: Đất ông Nguyễn Văn Chén)	Hết ranh đất ông Lý Hồng Ân	1,2
235	Tuyến kênh Tám	Đất ông Đoàn Văn Yên	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Nhiệm	1,2
236	nt	Đất ông Trương Văn Đùng	Hết ranh đất bà Trương Thị Nhật	1,2
237	nt	Đất ông Lê Văn Ty	Hết ranh đất trụ sở ấp Thời Hưng	1,2
238	Tuyến kênh Công Điền (Tên cũ: Tuyến kênh Tám)	Đất ông Phạm Văn Đạt (Bờ Tây) (Tên cũ: Đất ông Phạm Văn Miên (Bờ Tây))	Giáp ranh xã Khánh Hải (Tên cũ: Hết ranh đất bà Huỳnh Thị Hành)	1,2
239	Tuyến kênh Hậu	Đất ông Lê Văn O	Hết ranh đất bà Trần Thị Tuyết	1,2
240	Tuyến kênh Hai Quòn (Tên cũ: Tuyến kênh Hai Hường)	Từ ranh đất bà Lê Thị Thơm	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Mừng	1,2
241	Tuyến kênh Thống Nhất ấp Thới Hưng	Từ ranh đất ông Trần Văn Cánh	Hết ranh đất ông Trần Văn Hùng	1,2
242	Kênh Cơi 4 (Tên cũ: Tuyến kênh Cơi 4)	Từ ranh đất bà Huỳnh Thị Hoa (Tên cũ: Từ ranh đất bà Nguyễn Thị Hoa)	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Đèo	1,2
243	Tuyến lộ mới mở Khánh Bình Tây đi xã Khánh Bình Tây Bắc	Từ nhà ông Nguyễn Thành Nhân	Hết phần đất ông Mai Thanh Bạch	1,2
244	Tuyến lộ cứu nạn, cứu hộ đi Hòn Đá Bạc	Từ đất ông Phạm Toàn thắng ấp Đá Bạc	Hết đất ông Trần Văn Sai ấp Kinh Hòn Bắc	1,2



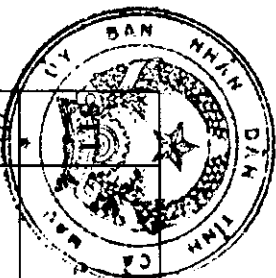
 Đường, tuyến lộ, khu vực		Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,5 - 2,5m				
6. Xã Khánh Lộc				
245	Tuyến lộ nhựa Sông Đốc - thị trấn Trần Văn Thời	Cầu Rạch Ruộng A (Hương Đông)	Hết ranh đất ông Tư Hùng	1,2
246	nt	Hết ranh đất ông Tư Hùng	Giáp thị trấn Trần Văn Thời	1,2
247	nt	Cầu Rạch Ruộng (Hương Tây)	Đầu cống Suối Mênh (Nhập tuyến)	1,2
248	nt	Đầu cống Suối Mênh	Giáp xã Khánh Hưng	1,0
249	Tuyến vào kênh 6 Thước Lớn	Đầu cống kênh Sáu Thước Lớn (Bờ Tây)	Hết ranh đất Trường tiểu học 2 (Điểm Sáu Thước)	1,0
250	nt	Hết ranh đất Trường tiểu học 2 (Điểm Sáu Thước)	Hết ranh đất ông Đỗ Văn Thiện	1,0
251	nt	Đầu cống kênh Sáu Thước Lớn (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Hồ Văn Thu	1,2
252	Tuyến vào Rạch Ruộng A	Ranh đất bà Út Quý (Bờ Tây)	Hết ranh đất ông Phan Văn Hùm	1,0
253	nt	Hết ranh đất ông Phan Văn Hùm	Hết ranh đất ông Tâm Tài	1,0
254	nt	Ranh đất bà Nhiên (Bờ Đông)	Hết ranh đất Chùa Nhãn Hòa	1,2
255	nt	Hết ranh đất Chùa Nhãn Hòa	Hết ranh đất ông Sáu Mùm	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
256	nt	Ranh đất ông Kiên	Hết ranh đất bà Sáu Nhỏ	1,0
257	Tuyến lộ vào ấp Độc Lập	Ranh đất ông Út Miên (Bờ Đông)	Giáp kênh Vườn Giữa	1,0
258	nt	Ranh đất ông Dân (Bờ Tây)	Giáp Kênh Ngang	1,0
259	Tuyến lộ vào kênh Cống Đá	Ngã ba Cống Đá (Trạm y tế) bờ Đông	Hết ranh đất ông Út Kiệt	1,0
260	nt	Ngã ba Cống Đá (Bờ Tây)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Cường	1,0
261	Tuyến vào kênh Trảng Cò	Đầu vàm Trảng Cò (Bờ Tây)	Cuối kênh Trảng Cò hết đất ông Mai	1,2
262	nt	Đầu vàm Trảng Cò (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Trần Văn Khởi	1,2
263	Tuyến dọc theo kênh Số 2	Đầu kênh Suối Mếnh (Dọc theo kênh số 2) bờ Tây	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Út	1,0
264	nt	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Út	Hết ranh đất ông Hai Mẹo	1,0
265	nt	Đầu kênh Suối Mếnh (Dọc theo kênh số 2) bờ Đông	Hết ranh đất ông Hoàng	1,0
266	nt	Đầu cống kênh Tư (Bờ Tây)	Hết ranh đất ông Tám Thê	1,2
267	Tuyến dọc theo kênh Tư	Đầu cống kênh Tư (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Tư Minh	1,0
268	Tuyến kênh Mới	Ranh đất ông Trần Văn Dây	Cuối kênh Mới	1,0



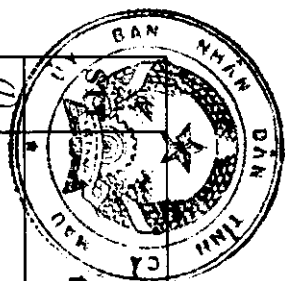
Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
	Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)
269	Kênh Dòn Dong	Trường Tiểu học 2	Cuối kênh Dòn Dong
270	Tuyến kênh Cây Ôi	Ranh đất ông Huỳnh (Bờ Tây)	Hết ranh đất ông Tâm Em
271	nt	Hết ranh đất ông Kiệt (Bờ Đông)	Hết ranh đất bà Phụng
272	Kênh Ngang	Ranh đất ông Ba Phiên	Hết ranh Nghĩa trang Ba Cỏ
273	nt	Ranh đất ông Tám Định	Hết ranh đất ông Hiệp
274	Tuyến kênh Sáu Thước Cùng	Từ ranh đất ông Cao Văn Phong	Hết ranh đất ông Phạm Văn Thúc
275	Tuyến kênh Bảy Xăng	Từ ranh đất ông Dương Quang Tuấn (Bờ Nam)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Đồi
276	Tuyến kênh số 2	Từ ranh đất ông Huỳnh Văn Cường (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Lạc
277	Tuyến kênh 5 Danh	Từ ranh đất ông Dương Quang Chiến	Hết ranh đất ông Bùi Văn Bình
Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,5 - 2,5m			
7. Xã Khánh Hưng			
278	Trung tâm xã	Ngã ba Nhà Máy, hướng Nam (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Lê Trung Tính
279	nt	Ranh đất ông Lê Trung Tính	Hết ranh đất ông Lê Văn Đoàn

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
280	nt	Từ đầu cầu bên chợ (Hướng Tây)	Hết ranh đất trường THPT	1,2
281	nt	Hết ranh đất trường THPT	Hết ranh đất ông Phạm Hùng Văn	1,2
282	Trung tâm xã	Ranh đất ông Phạm Hùng Văn	Đầu kênh Dân Quân	1,2
283	nt	Đầu kênh Dân Quân	Giáp xã Khánh Hải	1,2
284	nt	Hết ranh đất ông Trần Thị Định	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Tùng	1,2
285	nt	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Tùng	Đầu kênh Dân Quân	1,2
286	nt	Đầu kênh Dân Quân	Giáp ranh xã Khánh Hải	1,2
287	nt	Đầu cầu bên chợ (Hướng Đông)	Hết ranh đất ông Lê Văn Quới	1,2
288	nt	Trạm y tế xã (Hướng Đông)	Hết ranh đất ông Đặng Văn Đường	1,2
289	nt	Đầu kênh Quang Sơn	Ngã tư Miếu Ông Tà (Bờ Đông)	1,2
290	Trung tâm xã	Đầu kênh Quang Sơn	Ngã tư miếu Ông Tà (Bờ Tây)	1,2
291	Ngã ba Kênh Đùng	Đầu Kênh Đùng (Hướng Tây)	Hết ranh đất ông Lê Văn Quới	1,2
292	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Bầu (Bình Minh II)	Hết ranh đất ông Đặng Văn Đường	1,2



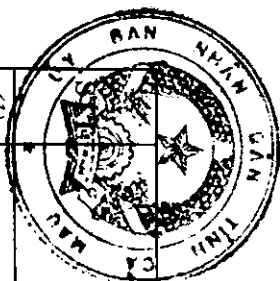
	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
293	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Bàu	Hết ranh đất ông Trần Văn Bé	1,2
294	nt	Hết ranh đất ông Trần Văn Bé	Giáp ranh xã Trần Hợi	1,2
295	nt	Ngã ba Kênh Dưng (Hương Bắc)	Coi 3	1,2
296	nt	Đầu kênh Cơi Nhì bờ Nam	Giáp ranh xã Khánh Hải	1,2
297	nt	Đầu kênh Cơi Nhì bờ Bắc	Giáp ranh xã Khánh Hải	1,2
298	nt	Đầu kênh Cơi 3 bờ Nam	Giáp ranh xã Khánh Bình Tây	1,2
299	nt	Đầu kênh Cơi 3 bờ Bắc	Giáp ranh xã Khánh Bình Tây	1,2
300	nt	Đầu kênh Cơi Tư (Bờ Nam)	Giáp ranh xã Khánh Bình Tây	1,2
301	Lộ dọc kênh Công Nghiệp (Bờ Đông)	Đầu cầu Công Nghiệp (Bờ Đông hướng Bắc)	Hết ranh đất ông Phạm Văn Dinh	1,2
302	nt	Hết ranh đất ông Phạm Văn Dinh	Hết ranh đất ông Võ Văn Thanh (Võ Văn Thạch)	1,2
303	Lộ dọc kênh Công Nghiệp (Bờ Đông)	Cầu chữ Y (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Võ Văn Thanh (Võ Văn Thạch)	1,2
304	nt	Cầu chữ Y (Hướng đông bờ Nam)	Hết ranh đất ông Lê Huỳnh Bé (Trần Văn Bé)	1,2
305	nt	Hết ranh đất ông Lê Huỳnh Bé	Hết ranh đất bà Phạm Thị Hà	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
306	nt	Hết ranh đất bà Phạm Thị Hà	Giáp ranh xã Khánh Lộc	1,2
307	Lộ dọc kênh Công Nghiệp (Bờ Tây)	Đầu cầu công nghiệp (Bờ Tây hướng Bắc)	Hết ranh đất ông Võ Văn Thành	1,2
308	Lộ dọc kênh Công Nghiệp (Bờ Tây)	Ranh đất ông Võ Văn Thành	Hết ranh đất ông Lê Trường Hận (Lê Văn Hận)	1,2
309	nt	Cầu Chữ Y (Bờ Tây)	Hết ranh đất ông Lê Trường Hận (Lê Văn Hận)	1,2
310	nt	Cầu Chữ Y (Bờ Bắc)	Ngã ba Năm Trì	1,2
311	nt	Cầu Chữ Y (Bờ Nam)	Ngã ba Năm Trì	1,2
312	Lộ từ cầu Chữ Y đến Trung tâm xã	Cầu Chữ Y (Hướng Đông)	Ngã ba về hướng UBND xã Khánh Hưng (Bờ Bắc)	1,2
313	nt	Ngã ba kênh Ngang (Bờ Tây)	Hết ranh đất trường cấp II	1,2
314	nt	Ranh đất trường cấp II	Hết ranh đất ông Đoàn Văn Công	1,2
315	nt	Hết ranh đất ông Đoàn Văn Công	Hết ranh nhà bia ghi danh liệt sỹ	1,2
316	nt	Hết ranh nhà bia ghi danh liệt sỹ	Hết ranh đất ông Trần Thị Định	1,2
317	Trung tâm cầu Chữ Y	Ranh đất ông Phạm Văn Đoàn	Hết ranh đất ông Dương Thanh Xuân (Bờ Bắc)	1,2
318	nt	Hết ranh đất ông Dương Thanh Xuân	Giáp ranh xã Khánh Lộc	1,2



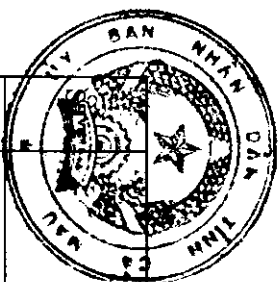
	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
319	nt	Ngã tư Nghĩa trang Ba Cỏ	Đầu kênh Hai Cãi (2 bờ)	1,2
320	Trung tâm cầu Chữ Y	Đầu kênh Bà Xum	Kênh Hai Cãi (2 bờ)	1,2
321	Công Nghiệp A	Đầu kênh của Le Le (2 bờ)	Ngã ba Năm Trĩ	1,2
322	Vàm Cống Đá	Đầu vàm Cống Đá (Lộ xe, hướng Đông)	Hết ranh đất ông Lê Văn Danh	1,2
323	nt	Đầu vàm Cống Đá (Hướng Bắc)	Hết ranh đất ông Thái Minh Trí (Bờ Đông)	1,2
324	nt	Hết ranh đất ông Thái Minh Trí (Bờ Đông)	Ngã tư Út Cùi	1,2
325	nt	Vàm Cống Đá	Hết ranh đất bà Dương Thị Phê (Bờ Tây)	1,2
326	Vàm Cống Đá	Hết ranh đất bà Dương Thị Phê (Bờ Tây)	Ngã tư Út Cùi	1,2
327	nt	Ranh đất ông Lê Văn Danh	Hết ranh đất ông Trần Anh Phái	1,2
328	nt	Ngã tư Út Cùi (Bờ Đông)	Ngã tư Miếu Ông Tà	1,2
329	nt	Ngã tư Út Cùi (Bờ Tây)	Ngã tư Miếu Ông Tà	1,2
330	nt	Ngã tư Út Cùi (Bờ Bắc)	Giáp ấp Rạch Lùm C	1,2
331	Áp kênh Hăng C	Đầu vàm cống kênh Hăng C (Hướng Bắc)	Hết ranh đất bà Lê Thị Nhiên (Bờ Đông)	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
332	nt	Ranh đất bà Lê Thị Nhiên (Bờ Đông)	Giáp áp kênh Hăng B	1,2
333	nt	Đầu vàm cống kênh Hăng C (Hướng Bắc)	Hết ranh đất bà Nguyễn Kim Hoa (Bờ Tây)	1,2
334	nt	Hết ranh đất bà Nguyễn Kim Hoa (Bờ Tây)	Giáp áp kênh Hăng B	1,2
335	Lộ Rạch Ráng - Sông Đốc	Ranh đất xã Khánh Hải	Cầu Rạch Lùm A	1,2
336	nt	Cầu Rạch Lùm	Giáp áp kênh Hăng C	1,2
337	nt	Giáp áp kênh Hăng C	Cống kênh Hăng C	1,2
338	Lộ Rạch Ráng - Sông Đốc	Cống kênh Hăng C	Giáp ranh đất áp Công Nghiệp A	1,2
339	nt	Giáp ranh đất áp Công Nghiệp A	Cầu Công Nghiệp	1,2
340	nt	Cầu Công Nghiệp A	Giáp xã Khánh Lộc	1,2
341	Vàm Rạch Lùm	Cầu Vàm Rạch Lùm (Hướng Bắc)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hòa (Bờ Đông)	1,2
342	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hòa (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Đặng Văn Danh	1,2
343	nt	Hết ranh đất ông Đặng Văn Danh	Giáp ranh xã Khánh Hải	1,2
344	nt	Cầu Rạch Lùm (Hướng Bắc)	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Em (Bờ Tây)	1,2



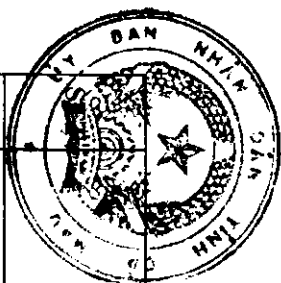
	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
345	nt	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Em	Hết ranh đất ông Nguyễn Bá Xuân	1,2
346	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Bá Xuân	Giáp ranh xã Khánh Hải	1,2
347	nt	Đầu kênh Hiệp Hòa Bờ Đông	Giáp ranh xã Khánh Hải	1,2
348	nt	Đầu kênh Hiệp Hòa Bờ Tây	Giáp ranh xã Khánh Hải	1,2
349	Kênh Hàng B	Đầu kênh Xóm Miên (2 bờ)	Giáp ranh ấp Rạch Lùm C	1,2
350	nt	Đầu kênh Sáu U (2 bờ)	Ngã tư miếu Ông Tà	1,2
351	nt	Ngã ba Năm Trì (Hướng Bắc)	Giáp ranh ấp Nhà Máy A (Bờ Đông)	1,2
352	nt	Ngã ba Năm Trì (Hướng Bắc)	Giáp ranh ấp Nhà Máy A (Bờ Tây)	1,2
Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,5 - 2,5m				
1,2				
8. Xã Khánh Hải				
353	Khu trung tâm xã	UBND xã về hướng Đông	Hết ranh đất Trường Trung học cơ sở	1,0
354	nt	Ngã tư Trùm Thuật (Bờ Nam)	Ngã ba Kênh Giữa	1,2
355	Khu trung tâm xã	Trường Tiểu học 1	Kênh Bảy Ghe 500m (Bờ Bắc)	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
356	nt	Trường Tiểu học 1	Kênh Bảy Ghe 500m - Bờ Nam	1,2
357	Lộ ô tô trung tâm xã khu di tích Bác Ba Phi	UBND xã	Khu di tích Bác Ba Phi (Hết ranh đất ông Hận)	1,2
358	nt	Ranh đất ông Trương Văn Pha	Hết ranh đất bà Trương Thị Tươi	1,2
359	nt	Ranh đất ông Hồ Văn Chiêu	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Anh	1,2
360	Lộ dọc kênh Lung Tràm	Tuyến kênh Lung Tràm (Bờ Nam)		1,2
361	nt	Tuyến kênh Trung Tâm (Bờ Tây)		1,2
362	Khu Chợ Mới	Chợ Mới về các hướng 400m (Riêng hướng Đông hết ranh đất ông Hai Nguyễn)		1,2
363	Vàm kênh Mới	Vàm kênh Mới (Về hướng Đông)	Giáp ranh đất ông Phan Ngọc Hoàng	1,2
364	Lộ Rạch Ráng - Sông Đốc	Giáp ranh xã Khánh Hưng	Cống kênh Giữa	1,2
365	nt	Cống kênh Giữa	Hết ranh đất ông Năm Hòa	1,2
366	nt	Hết ranh đất ông Năm Hòa	Cống Trùm Thuật	1,2
367	nt	Cống Trùm Thuật	Giáp ranh thị trấn Sông Đốc	1,2
368	Lộ ô tô về Trung tâm xã Khánh Hải	Cống Trùm Thuật	Hết ranh đất ông Trần Thế Vinh	1,2



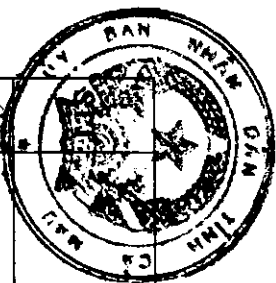
	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
369	nt	Hết ranh đất ông Trần Thế Vinh	Hết ranh đất ông Lâm Xuân Thành	1,2
370	nt	Hết ranh đất ông Lâm Xuân Thành	Hết ranh đất ông Lương Văn Phúc	1,2
371	nt	Hết ranh đất ông Lương Văn Phúc	Ngã tư kênh Trùm Thuật	1,2
372	Ngã tư Trùm Thuật	Ngã tư Trùm Thuật (Bờ Bắc)	Kênh Bờ Tre 300m (Bờ Đông)	1,2
373	Tuyến kênh Bờ Tre	Hết đoạn 300m kênh Bờ Tre (Bờ Đông)	Về hướng Bắc hết kênh Bờ Tre (Ranh đất ông Hồ Quốc Cường)	1,2
374	Ngã tư Trùm Thuật	Ngã tư Trùm Thuật (Bờ Bắc)	Kênh Bờ Tre 300m Bờ Tây	1,2
375	nt	Ngã tư Trùm Thuật (Bờ Tây)	Về hướng Nam 300m	1,2
376	Tuyến kênh Trùm Thuật (Bờ Tây)	Hết đoạn 300m (Bờ Tây ngã tư Trùm Thuật)	Tuyến lộ Rạch Ráng - Sông Đốc	1,2
377	Lộ dọc kênh Ranh (Bờ Đông)	Hành lang lộ Rạch Ráng - Sông Đốc	Về hướng Bắc 500m	1,2
378	nt	Hết đoạn 500m	Hết kênh Ranh	1,2
379	Lộ dọc kênh Rạch Lùm	Giáp xã Khánh Hưng	Đến giáp đoạn 300m (Ngã tư Chủ Mía), bờ Tây	1,2
380	nt	Ngã tư Chủ Mía (Bờ Tây)	Về các hướng 300m	1,2
381	nt	Hết đoạn 200m (Ngã tư Chín Bộ)	Đến giáp đoạn 300m (Ngã tư Chủ Mía), bờ Tây	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
382	Ngã tư Chín Bộ		Về các hướng 200m	1,2
383	Ngã tư Chủ Mía	Ngã tư Chủ Mía (Bờ Đông)	Về các hướng (Nam, Bắc) 300m	1,2
384	Kênh Chủ Mía (Về hướng Tây)	Từ hết đoạn 300m	Hết kênh Chủ Mía (Bờ Nam)	1,2
385	Khu Làng Cá	Làng Cá kênh Tư	Hết khu đất Làng Cá kênh Tư (2 bên)	1,2
386	Vàm Bảy Ghe	Cổng Bảy Ghe	Về hướng Đông 300m (2 bên)	1,2
387	Kênh Bảy Ghe (Bờ Bắc)	Hết đoạn 500m (Trường Tiểu học 1 đi về kênh Bảy Ghe 500m)	Hết đoạn 300m (Vàm Bảy Ghe về hướng Đông 300m)	1,2
388	Kênh Mới (Bờ Nam)	Kênh Tư Tù	Giáp ranh đất ông Hai Nguyễn	1,2
389	Tuyến kênh Cây Sộp	Ranh đất ông Hồ Quốc Khánh	Hết kênh Cây Sộp	1,2
390	Tuyến kênh Ngang	Ranh đất ông Lê Quốc Tiến	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn To	1,2
	Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,5 - 2,5m			1,2
9. Xã Lợi An				
391	Trung tâm xã	Cầu Vàm về hướng Đông (Trong đê)	Hết ranh đất Trịnh Hồng Hoa	1,2
392	nt	Đầu Vàm ông Tư về hướng Đông (Ngoài đê)	Hết đất liền (Theo Bờ kè)	1,2



	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
393	Trung tâm xã	Ranh đất ông Nguyễn Văn Hội	Kênh xáng Lương Thế Trân	1,0
394	nt	Hết ranh đất Trịnh Hồng Hoa (Trong đê)	Hết ranh đất ông Cao Văn Trung	1,2
395	nt	Hết ranh đất ông Cao Văn Trung	Hết ranh đất ông Nguyễn Minh Hội	1,2
396	nt	Cầu lớn Vàm Ông Tự	Kênh Biện Dê (Hết đất ông Nguyễn Minh Hòa)	1,2
397	nt	Hết ranh đất ông Cao Hoàng Định	Hết ranh đất ông Lê Minh Quang	1,2
398	nt	Cầu vàm về hướng Tây (Ngoài đê)	Hết ranh đất bà Lê Thị Sang	1,2
399	nt	Cầu vàm về hướng Tây (Trong đê)	Cầu Phát Thanh	1,0
400	nt	Đất ông Lê Hữu Phước (Mép hướng Nam lộ nhựa)	Hết ranh đất bà Huỳnh Thị Lụa	1,2
401	nt	Đất ông Lê Phước Hữu (Mép hướng Bắc, lộ nhựa)	Hết ranh đất bà Huỳnh Thị Lụa	1,2
402	nt	Cầu mới Vàm Ông Tự (Đi hướng sông Ông Đốc)	Giáp lộ đê bê tông 3m (Hai bên)	1,2
403	Ngã ba Tắc Thủ	Trụ đèn giao thông về hướng Cà Mau	Hết ranh đất bà Văn Thị Hồng Tim	1,2
404	nt	Hết ranh đất bà Văn Thị Hồng Tim	Giáp ranh thành phố Cà Mau	1,2
405	nt	Ngã ba trụ đèn về hướng Sông Đốc (Ngoài đê)	Đến hết khu quy hoạch cụm dân cư	1,0

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
406	nt	Đầu đê sông Tắc Thủ (Nhà ông Khiêm)	Kênh xáng Lương Thế Trân (Trong đê)	1,2
407	nt	Hết khu quy hoạch cụm dân cư	Kênh xáng Lương Thế Trân (Ngoài đê)	1,2
408	KX Lương Thế Trân	Đầu vàm kênh xáng (Bờ Đông)	Giáp ranh thành phố Cà Mau	1,0
409	nt	Đầu vàm kênh xáng (Bờ Tây)	Giáp ranh huyện Cái Nước	1,2
410	Tuyến Lộ về Trung tâm xã (Ngoài đê)	Ranh đất Lê Thị Sang	Giáp ranh Nghĩa trang Liệt sĩ huyện (Ngoài đê)	1,2
411	nt	Giáp ranh Nghĩa trang Liệt sĩ huyện (Ngoài đê)	Vàm Rạch Lằng	1,2
412	nt	Vàm Rạch Lằng	Giáp ranh xã Phong Lạc	1,2
413	Tuyến Lộ về Trung tâm xã (Ngoài đê)	Cầu Phát Thạnh	Giáp ranh Nghĩa trang Liệt sĩ huyện (Trong đê)	1,2
414	nt	Hết ranh Nghĩa trang Liệt sĩ huyện (Trong đê)	Giáp Vàm Rạch Lằng	1,2
415	nt	Vàm Rạch Lằng	Giáp ranh xã Phong Lạc (Trong đê)	1,2
416	Tuyến mé sông Rạch Ráng	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Năm	Giáp ranh Nghĩa trang Liệt sĩ huyện	1,2
417	nt	Hết ranh Nghĩa trang Liệt sĩ huyện	Giáp Cầu Treo Rạch Ráng	1,2
418	nt	Cầu Treo Rạch Ráng	Vàm Rạch Lằng	1,2



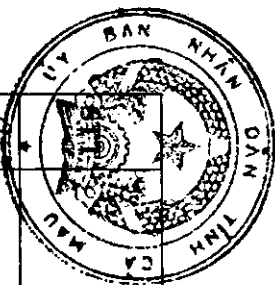
Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
	Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)
419	Tuyến lộ đi Quốc Lộ 1A	Cầu Bến phà (Hướng đi Quốc Lộ 1A, bờ Nam)	Cầu Rạch Lăng
420	nt	Cầu Rạch Lăng (Hướng đi Quốc Lộ 1A, bờ Nam)	Giáp ranh xã Hưng Mỹ
421	nt	Cầu Bến phà (Hướng đi Quốc Lộ 1A, bờ Bắc)	Giáp ranh xã Hưng Mỹ
422	Tuyến đê Tắc Thủ - Phường 8	Đầu đê giáp khu quy hoạch cụm dân cư	Giáp Phường 8 - TP Cà Mau
Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,5 - 2,5m			
10. Xã Phong Lạc			
423	Lộ Phong Lạc - Phong Điền (Trong đê)	Giáp xã Lợi An	Cầu Rạch Bàn
424	Lộ Phong Lạc - Phong Điền (Trong đê)	Cầu Rạch Bàn (Nhà ông Trương Tấn Đạt)	Cầu kênh Chông Mỹ - Giáp ranh xã Phong Điền (Nhà ông Phan Văn Tháo)
425	nt	Giáp xã Lợi An	Hết ranh đất Trường THCS Phong Lạc
426	nt	Đất Trường THCS Phong Lạc	Hết ranh đất ông Tô Văn Tài (Cầu Rạch Bàn)
427	nt	Cầu Rạch Bàn (Ranh đất ông Trần Văn Hôn)	Hết ranh đất ông Phạm Ngọc Mừng
428	Lộ Phong Lạc - Phong Điền (Ngoài đê)	Hết ranh đất ông Trương Tấn Phát	Hết ranh đất ông Ngô Văn Tây (Giáp xã Phong Điền)
429	Áp Công Bình	Ranh đất ông Phan Văn Ân	Hết ranh đất ông Tạ Văn Trần
430	nt	Ranh đất ông Thái Văn Chuẩn	Hết ranh đất ông Trần Văn Kén

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
431	nt	Ranh đất bà Tống Thị Niên	Hết ranh đất ông Phan Văn Miên	1,2
432	nt	Ranh đất ông Trần Văn Kén	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Mộng	1,2
433	nt	Đầu kênh Công Bình (Nhà ông Tạ Văn Trận)	Cuối kênh Công Bình (Đất ông Tạ Văn Trận)	1,2
434	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Tùng	Hết ranh đất bà Tống Thị Niên	1,2
435	nt	Đầu kênh Chông Mỹ (Nhà ông Phan Văn Tháo)	Cuối kênh Chông Mỹ (Đất ông Phan Văn Miên)	1,2
436	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Lăng	Hết ranh đất ông Dương Hương Càng	1,2
437	nt	Ranh đất ông Trần Việt Quốc	Hết ranh đất ông Phan Văn Đạo	1,2
438	nt	Ranh đất ông Hà Văn Bò	Hết ranh đất ông Dương Hương Càng	1,2
439	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Mộng	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Trung	1,2
440	Áp Công Bình	Ranh đất ông Mai Văn Kháng	Hết ranh đất bà Thái Thị Diệp	1,2
441	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Thiều	Hết ranh đất ông Mai Văn Thuận	1,2
442	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Đò	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tàng	1,2
443	Áp Rạch Bần	Cầu Gạch Bần	Hết ranh đất ông Phan Văn Ngươn (Áp Gạch Bần)	1,2



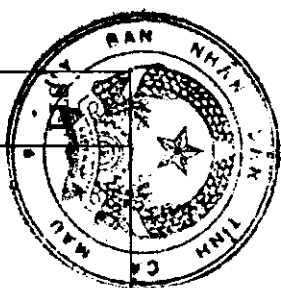
	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
444	nt	Cầu Gạch Bàn	Hết ranh đất ông Tô Hùng	1,2
445	nt	Ranh đất ông Phan Văn Ngoán	Hết ranh đất ông Lâm Văn Khưng	1,2
446	nt	Hết ranh đất ông Lâm Văn Khưng	Hết ranh đất bà Huỳnh Thị Khoa	1,2
447	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Bé	Hết ranh đất ông Thái Văn Hùng	1,2
448	Áp Đất Cháy	Ranh đất ông Trương Văn Tấn	Hết ranh đất bà Trần Thị Tàn	1,2
449	nt	Ranh đất ông Ngô Mười Ba	Hết ranh đất ông Ngô Hoàng Thanh	1,2
450	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Kiên	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Nho	1,2
451	nt	Ranh đất ông Đào Văn Hòa	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Khanh	1,2
452	Áp Đất Cháy	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Nho	Hết ranh đất ông Phan Văn Cảnh	1,2
453	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Khanh	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Nhân	1,2
454	Áp Tân Lập	Ranh đất ông Phan Hoàng Em	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tiềm	1,2
455	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tiềm	Hết ranh đất ông Dương Văn Hiếu	1,2
456	Áp Tân Lập	Hết ranh đất ông Dương Văn Hiếu	Hết ranh đất ông Lê Phi Long	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
457	nt	Hết ranh đất ông Lê Phi Long	Hết ranh đất ông Võ Văn Nuôi	1,2
458	nt	Ranh đất ông Đào Văn Sĩ	Hết ranh đất ông Tô Văn Hương	1,2
459	nt	Ranh đất ông Tô Văn Tồn	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Dân	1,2
460	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Phương	Hết ranh đất bà Lý Thị Lan	1,2
461	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Nhân	Hết ranh đất ông Ngô Văn Cường	1,2
462	nt	Hết ranh đất bà Lý Thị Lan	Hết ranh đất ông Mai Văn Nở	1,2
463	nt	Ranh đất ông Trần Văn Tuấn	Hết ranh đất bà Hồng Thị Út	1,2
464	nt	Ranh đất ông Ngô Văn Góp	Hết ranh đất ông Thạch Hai	1,2
465	nt	Ranh đất ông Ngô Văn Khời	Hết ranh đất ông Trần Văn Sự	1,2
466	nt	Hết ranh đất ông Mai Văn Nở	Hết ranh đất ông Dương Văn Trăn	1,2
467	nt	Hết ranh đất bà Hồng Thị Cúc	Hết ranh đất ông Trần Văn Đồng	1,2
468	nt	Ranh đất ông Trần Văn Út	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Dũng	1,2
469	Áp Lung Trường	Ranh đất ông Đỗ Thanh Bình	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Miên	1,2



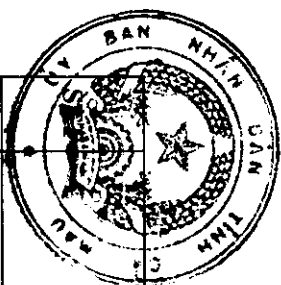
	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
470	nt	Ranh đất ông Hồ Việt Cường	Hết ranh đất ông Trần Văn Tiến	1,2
471	nt	Ranh đất ông Trần Văn Đua	Hết ranh đất bà Võ Thị Hương	1,2
472	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Miên	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Nhật	1,2
473	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Nhật	Hết ranh đất ông Huỳnh Thị Nho	1,2
474	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Võ	Hết ranh đất ông Trương Văn Trang	1,2
475	Ấp Lung Trường	Ranh đất ông Trần Văn Đua	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Phát	1,2
476	nt	Hết ranh đất ông Trần Văn Tiến	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Nghĩa	1,2
477	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Quân	Hết ranh đất ông Trần Văn Nào	1,2
478	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Nghĩa	Hết ranh đất ông Trần Văn Nào	1,2
479	nt	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Phát	Hết ranh đất ông Nguyễn Trường Giang	1,2
480	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Võ	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Thu	1,2
481	Ấp Lung Dông	Ranh đất ông Nguyễn Văn Biên	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Việt	1,2
482	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Việt	Hết ranh đất ông Trần Minh Diệu	1,2

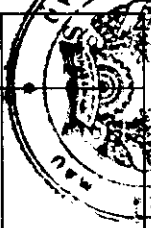
STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
483	nt	Ranh đất ông Thái Văn Nam	Hết ranh đất ông Thái Văn Tuấn	1,2
484	Áp Tân Lợi	Ranh đất ông Lê Bá Nghĩa (Đầu kênh Ba)	Hết ranh Trường Tiểu học Phong Lạc IV	1,2
485	nt	Trường Tiểu học Phong Lạc IV	Hết ranh đất ông Hà Văn Lọng	1,2
486	nt	Hết ranh đất ông Hà Văn Lọng	Cuối kênh Ba (Hết ranh đất bà Hồ Thị Liên)	1,2
487	nt	Ranh đất bà Đào Thị Bông (Đầu kênh Tư)	Hết ranh đất ông Dương Văn Hòa	1,2
488	nt	Hết ranh đất ông Dương Văn Hòa	Hết ranh đất ông Đặng Văn Đùng	1,2
489	nt	Hết ranh đất ông Đặng Văn Đùng	Cuối kênh Tư (Hết ranh đất ông Phạm Văn Hùng)	1,2
490	nt	Ranh đất ông Diệp Văn Sơn	Hết ranh đất ông Đỗ Thị Đàm	1,2
491	Áp Tân Lợi	Ranh đất ông Nguyễn Hồng Thanh	Hết ranh đất ông Trần Văn Tùng	1,2
492	nt	Ranh đất ông Trần Văn Thi	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Mười	1,2
493	nt	Ranh đất ông Bùi Văn Cảnh	Hết ranh đất ông Trần Văn Hón	1,2
494	Áp Rạch Bần B	Ranh đất ông Trần Văn Hón	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Chiến	1,2
495	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Luận	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Bé	1,2



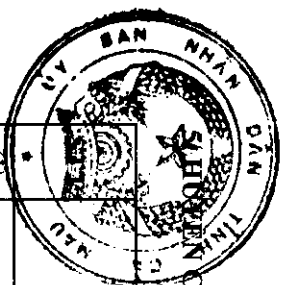
	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
496	nt	Ranh đất ông Thái Văn Chuẩn	Hết ranh đất ông Lưu Văn Rọt	1,2
497	nt	Hết ranh đất ông Lưu Văn Rọt	Hết ranh đất ông Võ Minh Luân	1,2
498	nt	Ranh đất ông Huỳnh Kha Ly	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Phong	1,2
499	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Phong	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tỏ	1,2
500	nt	Ranh đất ông Trần Văn Kiếm	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tung	1,2
501	nt	Ranh đất ông Thái Văn Ngộ	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Đại	1,2
502	nt	Ranh đất ông Thái Văn Thi (Miếu Thần Hoàng)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tiết	1,2
503	Áp Rạch Bần B	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tiết	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Bùi (Vàm Lung Dông)	1,2
504	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Đại	Hết ranh đất ông Trần Văn Vinh	1,2
505	nt	Ranh đất ông Thái Văn Thi	Hết ranh đất ông Nguyễn Hữu Hạnh	1,2
506	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Hữu Hạnh	Hết ranh đất bà Trần Thị Lợi	1,2
507	Áp Tân Bàng	Ranh đất ông Nguyễn Văn Đức	Hết ranh đất ông Đào Văn Tiến	1,2
508	nt	Ranh đất bà Trần Thị Bền	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Danh	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
509	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Khuyên	Hết ranh đất ông Phù Văn Đức	1,2
510	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Lý	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Lam	1,2
511	nt	Ranh đất bà Nguyễn Thị Xua	Hết ranh đất bà Võ Thị Hết	1,2
512	nt	Ranh đất bà Sừ Kim Dung	Hết ranh đất ông Đỗ Giải Phóng	1,2
513	nt	Ranh đất ông Mai Văn Đẹp	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Ngây	1,2
514	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Kiến	Hết ranh đất ông Trương Văn Be	1,2
515	Áp Tân Thành	Ranh đất bà Nguyễn Thị Lợi	Hết ranh đất ông Dương Văn Nhứt	1,2
516	nt	Ranh đất ông Trần Văn Dũng	Hết ranh đất bà Huỳnh Thị Thu	1,2
517	nt	Ranh đất ông Lê Văn Công	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Công	1,2
518	nt	Ranh đất ông Trần Văn Cảnh	Hết ranh đất ông Trần Văn Lương	1,2
519	nt	Ranh đất ông Trần Văn Thiện	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Máy	1,2
520	nt	Ranh đất ông Võ Văn Tổng	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Trừ	1,2
521	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Lực	Hết ranh đất ông Trần Văn Đô	1,2



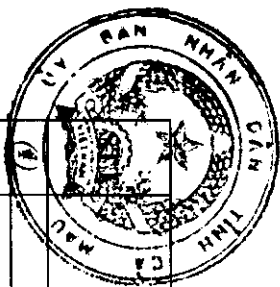
 Đường, tuyến lộ, khu vực		Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
522	Áp Tân Thành	Ranh đất ông Nguyễn Văn Đáng	Hết ranh đất ông Lâm Văn Tòng	1,2
523	nt	Hết ranh đất ông Dương Văn Nhựt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hòn	1,2
524	Áp Rạch Bàn B - Áp Công Bình	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Chiến	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Việt	1,2
Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,5 - 2,5m				
11. Xã Phong Điền				
525	Tuyến trung tâm xã	UBND xã về hướng Đông	Hết ranh đất Trường Mầm non	1,2
526	nt	Nhà Bia ghi danh về hướng Nam	Hết ranh đất Hăng nước đá Trường Sơn 6	1,2
527	nt	Ranh đất ông Trần Văn Leo	Kênh Công Điền Giữa	1,2
528	nt	Ranh đất ông Phan Văn Kỳ	Hết ranh đất ông Lý Văn Duyên (Bò Đông)	1,2
529	nt	Ranh đất ông Dương Văn Thành	Kênh Chổng Mỹ	1,2
530	nt	Ranh đất ông Trần Văn Đắc	Hết ranh đất ông Trương Thanh Giang	1,2
531	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Được	Giáp ranh xã Phong Lạc (Trong đê)	1,2
532	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Bình	Hết ranh đất ông Phan Văn Sơn	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
533	nt	Ranh đất ông Trần Văn Mật	Hết ranh đất ông Phan Văn Linh	1,2
534	nt	Ranh đất ông Trịnh Hữu Huy	Kênh Dầu Xây (Hết ranh đất ông Ngô Tấn Môn)	1,2
535	nt	Kênh Bảy Thanh	Kênh Lựu Đạn (Tuyến ven sông)	1,2
536	nt	Kênh Lựu Đạn	Kênh Dàn Xây (Tuyến ven sông)	1,2
537	nt	Kênh Dàn Xây	Hết ranh đất Nguyễn Văn Thu	1,2
538	Tuyến đê Trung Ương (Đê Tà)	Kênh xáng Bà Kẹo	Kênh Bảy Thanh (Giáp Thị trấn Sông Đốc)	1,2
539	Tuyến Rẫy mới - Mỹ Bình	Ranh đất ông Phan Út Chín	Hết ranh đất ông Trần Văn Nhiều	1,2
540	Tuyến Rạch Vinh	Cầu Dầu Sáu (Áp Mỹ Bình)	Hết ranh đất ông Nguyễn Như Ý	1,2
541	Tuyến lộ Trung tâm xã	Từ đầu lộ nhựa tiếp giáp Sông Đốc (Ranh đất ông Mười Đẹt)	Ngã 3 (Hướng về huyện)	1,2
	Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,5 - 2,5m			1,2
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2



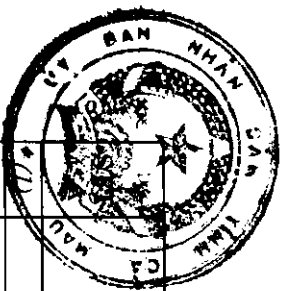
Đường, tuyến lộ, khu vực		Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Xã Lương Thế Trân				
1	Lộ Cà Mau - Đầm Dơi	Quốc lộ 1A	Hết ranh đất Công ty cổ phần thực phẩm thủy sản Cà Mau	1,2
2	nt	Hết ranh đất Công ty cổ phần thực phẩm thủy sản Cà Mau	Đập Hai Thông	1,2
3	nt	Đập Hai Thông	Đập Ông Buôi	1,2
4	nt	Đập Ông Buôi	Bến phà Hoà Trung	1,2
5	Tuyến Đê Đông Cái Nước	Bến phà Hòa Trung	Cổng Giai Phóng (Đê Đông)	1,2
6	Kênh Hai Mai	Lộ Cà Mau - Đầm Dơi	Ngã ba đường Gạo	1,2
7	nt	Ngã ba đường Gạo	Ngã ba Tư Kía	1,2
8	Kênh Cây Bóm	Ngã ba đường Gạo	Cầu Nhà Thờ Cây Bóm	1,2
9	Kênh Bào Kè	Quốc lộ 1A	Ngã Ba Láng	1,2
10	nt	Ngã Ba Láng	Cầu Tư Đức	1,2
11	nt	Cầu Tư Đức	Ngã Ba Út Deo	1,2
12	Quốc Lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Cầu Lương Thế Trân	Lộ quy hoạch khu công nghiệp	1,0
13	nt	Lộ quy hoạch khu công nghiệp	Cổng Bà Bèo	1,0

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
14	nt	Cống Bà Bèo	Kinh Giữa	1,0
15	Xã Lương Thế Trân	Các đoạn tuyến lộ bê tông còn lại từ 1,5m đến 2m		1,2
2. Xã Thạnh Phú				
16	Lộ Lung lá Nhà Thề	Quốc lộ 1A	Giáp ranh trường mẫu giáo	1,2
17	nt	Giáp ranh trường mẫu giáo	Cầu Trần Quốc Toàn	1,2
18	Lộ Lung lá Nhà Thề	Cầu Trần Quốc Toàn	Hết ranh khu di tích Lung lá - Nhà Thề	1,2
19	Kênh xáng Lương Thế Trân	Quốc lộ 1A	Giáp ranh huyện Trần Văn Thời	1,0
20	Quốc Lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Cầu Lương Thế Trân	Lộ quy hoạch khu công nghiệp	1,2
21	nt	Lộ quy hoạch khu công nghiệp	Cống Bà Bèo	1,2
22	nt	Cống Bà Bèo	Cống Cái Nhum	1,2
23	nt	Cống Cái Nhum	Cống Vĩnh Gáo	1,2
24	nt	Cống Vĩnh Gáo	Cống Nhà Phấn	1,2
25	nt	Cống Nhà Phấn	Cống Nhà Phấn + 300m	1,0
26	nt	Cống Nhà Phấn + 300m	Cầu Tân Đức	1,0
27	Xã Thạnh Phú (Lộ bê tông)	Quốc lộ 1A	Chùa Hưng Nhơn	1,2



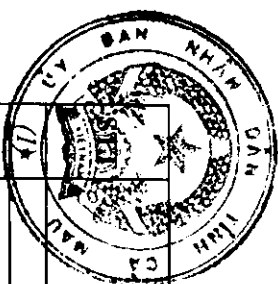
Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
	Từ	Đến	
(2)	(3)	(4)	(5)
28	nt	Phía sau trụ sở UBND xã Thanh Phú (cũ) (Tên cũ: Phía sau UBND xã Thanh Phú)	1,2
29	Lộ bê tông	Phía sau nhà lồng chợ xã Thanh Phú	1,2
30	Xã Thanh Phú	Các đoạn tuyến lộ bê tông còn lại từ 1,5m đến 2m	1,2
3. Xã Phú Hưng			
31	Chợ Đức An	Quốc lộ 1A	1,2
32	Khu Dân cư ấp Cái Rắn A	Hết khu	1,2
33	Quốc lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Cầu Tân Đức	1,0
34	Quốc lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Cây xăng Phú Hưng (Tên cũ: Cách cầu Cái Rắn: 200m)	1,2
35	nt	Hết trường cấp III Phú Hưng	1,2
36	Đổi diện lộ liên huyện về Trần Văn Thới	Quốc lộ 1A	1,2
37	Đường ô tô về xã Tân Hưng	Quốc lộ 1A	1,2
38	nt	Cầu Đức An + 300m	1,2
39	Lộ nhà thờ Cái Rắn	Quốc lộ 1A	1,2
40	Xã Phú Hưng	Các đoạn tuyến lộ bê tông còn lại từ 1,5m đến 2m	1,2
4. Xã Hưng Mỹ			

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
41	Khu chợ Rau Dừa cũ	Khu chợ phía Bắc (Chợ Rau Dừa cũ)	Hết khu	1,2
42	Khu chợ Rau Dừa	Khu chợ phía Nam	Hết Khu	1,2
43	Khu dân cư	Khu dân cư (Lô 13 + 14)	Hết Khu	1,2
44	Lộ liên huyện về Trần Văn Thời	Quốc lộ 1A	Giáp ranh Trần Văn Thời	1,2
45	Lộ Rau Dừa - Tân Hưng	Ngã Tư Sông Rau Dừa	Cổng Cái Giếng	1,2
46	Quốc Lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Lộ liên huyện về Trần Văn Thời	Giáp ranh Bưng diện xã Hưng Mỹ	1,2
47	nt	Giáp ranh Bưng diện xã Hưng Mỹ	Cầu Rau Dừa + 500m (Trừ khu chợ phía Nam)	1,2
48	nt	Cầu Rau Dừa + 500m	Cổng Sư Liệu	1,2
49	Đường ô tô về trung tâm xã	Cầu Cái Bần	Hết ranh UBND xã Hưng Mỹ	1,2
50	Xã Hưng Mỹ	Các đoạn tuyến lộ bề tổng còn lại từ 1,5m đến 2m		1,2
5. Xã Tân Hưng				
51	Lộ ấp Phong Lưu	Cầu kênh xáng Đông Hưng	Hết ranh trường THCS Tân Hưng	1,2
52	Lộ ấp Phong Lưu	Giáp đường ô tô về trung tâm xã (Trụ sở UBND xã Tân Hưng)	Kênh Tùng Hựu	1,2
53	Lộ ấp Tân Hòa	Cầu Bộ Mão	Trạm Y Tế xã	1,2
54	nt	Trạm Y Tế xã	Cầu Phan Văn Tám	1,2



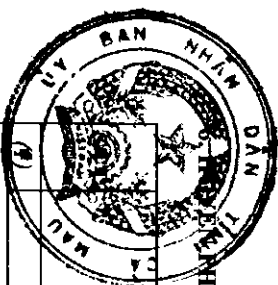
Đường, tuyến lộ, khu vực		Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
55	Khu dân cư phía sau chợ Tân Hưng	Chợ cũ	Giáp đường ô tô TT xã Tân Hưng	1,2
56	Khu chợ xã Tân Hưng	Giáp ranh đất Ông Hồ Văn Nhon	Hết ranh đất bà Đặng Thị Thà	1,2
57	Đường ô tô về trung tâm xã Tân Hưng	UBND xã Tân Hưng	Cầu Cựa Gà	1,2
58	nt	Cầu Cựa Gà	Giáp ranh xã Phú Hưng	1,2
59	Xã Tân Hưng	Các đoạn tuyến lộ bê tông còn lại từ 1,5m đến 2m		1,2
6. Xã Hòa Mỹ				
60	Quốc lộ 1A	Cổng Sư Liệu	Cổng Đá	1,2
61	Đường ô tô về xã Hòa Mỹ	Cầu Hòa Mỹ	Hết khu thiết chế văn hóa xã	1,2
62	Xã Hoà Mỹ	Các đoạn tuyến lộ bê tông còn lại từ 1,5m đến 2m		1,2
7. Xã Tân Hưng Đông				
63	Lộ công dã Kênh Tư	Quốc lộ 1A	Cầu kênh Láng Tượng	1,0
64	nt	Cầu kênh Láng Tượng	Đầu kênh Bến Dìa	1,2
65	Đường vào UBND xã cũ	Quốc lộ 1A	Kênh xáng Lộ Xe	1,0
66	Quốc Lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Cổng Đá	Cách UBND xã Tân Hưng Đông: 250m	1,2
67	nt	Cách UBND xã Tân Hưng Đông: 250m	UBND xã Tân Hưng Đông + 250m	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
68	nt	UBND xã Tân Hưng Đông + 250m	Giáp ranh Trạm Biến Điện 110 kv	1,2
69	Quốc Lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Giáp ranh Trạm Biến Điện 110 kv	Giáp ranh Nghĩa Trang	1,2
70	Đường kênh Ráng	Từ trạm y tế	Giáp ranh trường Tân Tạo	1,2
71	Xã Tân Hưng Đông	Các đoạn tuyến lộ bê tông còn lại từ 1,5m đến 2m		1,2
8. Xã Đông Thới				
72	Lộ Tân Duyệt (Tên cũ: Lộ Cái Nước - Tân Duyệt)	Đập Ông Phụng	Cống Hai Lưom (Tên cũ: Đập Bào Tròn)	1,2
73	Tuyến Đê Đông (Tên cũ: Tuyến Đê Đông Cái Nước)	Đập Giáo Hồ	Đập nhà Thính A (Tên cũ: Ranh xã Đông Hưng)	1,0
74	Kênh xáng Đông Hưng	Ngã tư Rạch Dục	Đập Giáo Hồ	1,2
75	Tuyến sông Cái Cắm (Bên nhà thờ)	Cầu Hiệp Thông	Cầu Kinh Hué	1,2
76	Xã Đông Thới	Các đoạn tuyến lộ bê tông còn lại từ 1,5m đến 2m		1,2
9. Xã Đông Hưng				
77	Cụm dân cư Tân Phong	Cụm dân cư Tân Phong	Hết Cụm	1,2
78	Tuyến Đê Đông (Tên cũ: Tuyến Đê Đông Cái Nước)	Đập nhà Thính A (Tên cũ: Ranh xã Đông Hưng)	Giáp ranh xã Tân Hưng (Tên cũ: Giáp ranh cụm dân cư Tân Phong)	1,0
79	Lộ Tân Duyệt (Tên cũ: Lộ Cái Nước - Tân Duyệt)	Cống Hai Lưom (Tên cũ: Đập Bào Tròn)	Bến phà Giá Ngụ (Tên cũ: Tuyến Đê Đông Cái Nước)	1,2



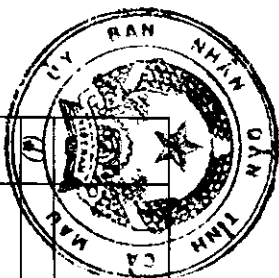
Đường, tuyến lộ, khu vực		Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
80	Lộ nhựa Tân Phong	Tuyến Đê Đông (Tên cũ: Tuyến Đê Đông Cải Nước)	Cầu Kênh Tắt (Tên cũ: Cầu Kinh Tắt)	1,2
81	Đường vào UBND xã	Giáp đường ô tô về trung tâm xã	Giáp Sân Chim Chà Là	1,2
82	Xã Đông Hưng	Các đoạn tuyến lộ bê tông còn lại từ 1,5m đến 2m		1,2
10. Xã Trần Thới				
83	Quốc lộ 1A	Giáp ranh thị trấn Cải Nước	Cách Xí nghiệp Nam Long 300m	1,0
84	nt	Cách Xí nghiệp Nam Long 300m	Giáp ranh Xí nghiệp Nam Long	1,2
85	nt	Giáp ranh Xí nghiệp Nam Long	Bến Phà Đàm Cùng	1,0
86	Lộ Cải Nước - Phú Tân	Đập Cây Dương	Giáp ranh huyện Phú Tân	1,2
87	Đường vào UBND xã Trần Thới	Bến phà Đàm Cùng	Hết ranh UBND xã Trần Thới	1,2
88	Khu vực chợ xã Trần Thới	Hết ranh UBND xã Trần Thới	Hết ranh Trạm Y Tế	1,2
89	nt	Hết ranh Trạm Y Tế	Hết ranh bến Nhà Máy Nước Đá Tân Đạt (Tên cũ: Hết ranh bến Nhà Máy Nước Đá)	1,0
90	Lộ trung tâm xã	Quốc lộ 1A	Hết ranh trạm y tế (Tên cũ: Kinh xăng lộ xe)	1,0
91	nt	Lộ Trung tâm xã	Hậu dãy nhà UBND xã Trần Thới	1,0

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
(1)	(2)	Từ (3)	Đến (4)	(5)
92	Khu Tái định cư cầu Đầm Cù	Những dãy giáp mặt tiền lộ trung tâm xã và khu vực chợ xã Trần Thới (Đoạn từ UBND xã đến trạm Y tế)		1,2
93	nt	Những dãy còn lại phía trong		1,2
94	Tuyến kênh Sáng	Quốc lộ 1A	Cổng Bào Chầu	1,2
95	Quốc lộ 1A	Cách Xí nghiệp Nam Long 300m	Dốc cầu Đầm Cù	1,2
96	Tuyến lộ theo sông Bảy Háp	Bến phà Đầm Cù (Quốc lộ 1A cũ)	Cây xăng Bào Chầu	1,2
97	Xã Trần Thới	Các đoạn tuyến lộ bê tông còn lại từ 1,5m đến 2m		1,2
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2



Đường, tuyến lộ, khu vực		Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(2)		(3)	(4)	(5)
I. Xã Phú Thuận				
1	Khu trung tâm xã	Ranh đất ông Giang	Hết ranh đất bà Mỹ Nhung (2 bên)	1,2
2	nt	Ranh đất ông Khá (Phước)	Trạm y tế xã (2 bên)	1,2
3	nt	Trạm y tế xã	Hàng nước đá	1,2
4	nt	Giáp ranh hàng nước đá	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Thanh Phương	1,2
5	nt	Ranh đất ông Võ Văn Đèo	Ngã ba về Cái Nước (2 bên)	1,2
6	nt	Ngã ba về Cái Nước (Tuyến lộ xe)	Cầu Vàm Đình (2 bên)	1,2
7	nt	Ranh đất ông Quân	Ngã ba sông về Cái Nước	1,2
8	Tuyến đường Vàm Đình - Cái Chim	Ngã ba về Quốc lộ 1A	Hết ranh đất ông Lâm Chì	1,2
9	nt	Hết ranh đất ông Lâm Chì	Đập Cái Chim	1,2
10	Phía xã cũ	Đình thần Vàm Đình	Hết ranh đất ông Huỳnh Phúc Lâm	1,2
11	Khu vực chợ Giáp Nước	Tương đài Liệt sỹ	Đập Giáp Nước (Nhà ông Thi Cống Đá)	1,2
12	nt	Tương đài Liệt sỹ	Trạm y tế cũ	1,2
13	nt	Ranh đất nhà bà Nguyễn Thị No	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Cao (Chết Cao)	1,2
14	nt	Cây xăng ông Huỳnh Hoàng Thắng (Nhà bà Tâm bán cơm)	Đầm Thị Tường, 2 bên (Hết ranh đất ông Trung)	1,2
15	nt	Đập Giáp Nước	Cây xăng ông Huỳnh Hoàng Thắng (Nhà bà Tâm bán cơm)	1,2

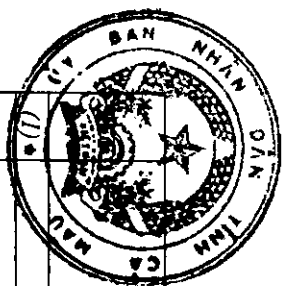
STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ (3)	Đến (4)	
(1)	(2)			(5)
16	Tuyến kênh Bến Đìa - kênh Chổng Mỹ	Kênh Bến Đìa	Kênh Chổng Mỹ	1,0
17	Tuyến sông Giáp Nước - kênh Bến Đìa	Ngã ba sông Giáp Nước	Đầu kênh Bến Đìa	1,2
18	Đầu sông Bến Đìa - Đầm Thị Tường	Cầu Bến Đìa	Giáp ranh xã Phú Mỹ (Nhà ông Nguyễn Văn Thanh)	1,2
19	Tuyến kênh Thọ Mai	Nhà ông Nguyễn Văn Lâm (Bãi cát đá)	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Kíp	1,2
20	Tuyến kênh Vàm Đình - Cái Nước	Nhà ông Nguyễn Văn Điền	Hết ranh đất ông Nguyễn Lữ Hiền	1,2
21	Khu Trung tâm xã	Ranh đất ông Phương	Cầu Vàm Đình	1,0
22	Phía xã cũ	Hết ranh đất ông Phúc Lâm	Cầu sắt (Nhà ông Nguyễn Văn Cẩn)	1,2
2. Xã Phú Mỹ				
23	Khu vực Ba Tiệm	Trường THCS Nguyễn Vĩnh Nghiệp	Hết ranh Trường trung học Phú Mỹ II	1,2
24	Khu vực Vàm Xáng	Phía trước bưu điện xã Phú Mỹ	Hết ranh đất ông Khen	1,2
25	Kênh xáng Thọ Mai	Kênh xáng Thọ Mai	Hết ranh đất bà Tám Nguyệt Lệ	1,2
26	Khu căn cứ Tỉnh ủy	Ranh đất khu căn cứ Tỉnh ủy	Hết ranh đất ông Minh	1,2
27	nt	Hết ranh đất ông Minh	Về vàm kênh xáng Thọ Mai	1,2
28	nt	Khu căn cứ Tỉnh ủy	Hết ranh đất ông Giang	1,2
29	nt	Hết ranh đất ông Giang	Ngã ba Đầm Thị Tường (Hết ranh đất ông Thắng)	1,2
30	Tuyến kênh Bà Kỳ	Ngã tư kênh Bà Kỳ	Trường tiểu học cơ sở Phú Mỹ 3	1,2



Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
	Từ	Đến	
(2)	(3)	(4)	(5)
31	Đầu ngã tư kênh Bà Kỳ	Kênh Dòn Dong	1,2
28	Khu căn cứ Tỉnh ủy	Hết ranh đất ông Giang	1,2
29	Hết ranh đất ông Giang	Ngã ba Đầm Thị Tường (Hết ranh đất ông Thắng)	1,2
30	Tuyến kênh Bà Kỳ	Trường tiểu học cơ sở Phú Mỹ 3	1,2
31	Đầu ngã tư kênh Bà Kỳ	Kênh Dòn Dong	1,0
32	Tuyến tường TH Phú Mỹ 2 đến giáp ranh xã Phú Thịnh (Tên cũ: Tuyến Tuyến trường TH Phú Mỹ 2 ngã ba kênh Chôm Mả)	Đầu cầu sắt (Giáp ranh xã Phú Thuận)	1,2
33	Tuyến Ngã ba kênh Bà Kỳ đến Kênh Ba Pha	Kênh Ba Pha	1,0
34	Tuyến kênh Dê Quốc Phòng	Đến ranh đất ông Nguyễn Thành Trung	1,0
35	Ranh đất ông Khen đến đầu kênh Nước Mặn	Kênh Nước Mặn	1,2
36	Từ cuối kênh Quốc Phòng đến Lung Càn Thơ	Lung Càn Thơ	1,2
37	Tuyến Ngã tư số 1 đến Cổng Ba Tiêm	Cổng Ba Tiêm	1,0
38	Đất ông Chánh đến cầu rạch Lung Chim	Cầu rạch Lung Chim	1,0
39	Tuyến ngã tư kênh Bà Kỳ đến ranh đất ông Mình	Hết ranh đất Ông Minh	1,2
40	Tuyến bà Kỳ nghĩa	Hết ranh đất nhà ông Trần Văn Chánh	1,2
41	Tuyến kênh 5	Kênh Phú Thạch (Giáp ranh xã Phú Thuận)	1,2

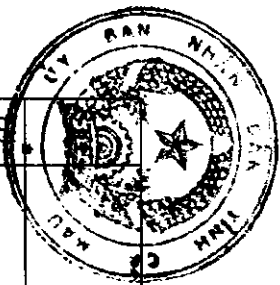
3. Xã Phú Tân

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ (3)	Đến (4)	
(1)	(2)			(5)
42	Đường số 1	Tim nhà lồng chợ cũ (Về hướng Đông)	Hàng rào Trường Cấp III (Ranh đất ông Mười Bốn)	1,2
43	nt	Tim nhà lồng chợ cũ (Về hướng Tây)	Hết ranh đất ông Dũng - Thủy	1,2
44	nt	Ranh đất ông Tráng (Tuyến sông) kéo dài	Hết ranh đất ông Hên, bà Ba Xi (2 bên)	1,2
45	nt	Trường tiểu học Phú Tân (vòng qua bên chợ mới) (Tên cũ: Ranh đất ông Sơn vòng qua bên Tàu)	Hết ranh đất ông Phạm Hùng Tráng (ngã 3) (Tên cũ: Hết ranh Trại sở ấp văn hóa (Ngã ba nhà ông Tráng))	1,2
46	nt	Hết ranh đất ông Dũng - Thủy	Hết ranh đất ông Sỹ Tuấn (2 bên)	1,2
47	nt	Trụ sở ấp Cái Đôi (2 bên)	Hàng rào trường Cấp III (Nhà ông 10 Bốn)	1,2
48	Đường số 1	Ranh đất ông Sỹ Tuấn (2 bên)	Ngã ba kênh xáng Miếu ông Cò (Nhà ông Sơn)	1,2
49	Đường số 2	Ngã ba (Nhà ông Không Kia)	Ngã 3 đất ông Bông Văn Liếp	1,2
50	nt	Ranh đất ông Minh Gù (2 bên)	Hết ranh đất ông Tú (Ngã ba Miếu Ông Cò)	1,2
51	nt	Hết ranh đất bà Nga	Hết ranh Nhà mồ ngang trường cấp III (Mới)	1,2
52	Đường số 3	Đầu cầu nhà ông Đức	Đầu cầu nhà ông Hòa (2 bên)	1,2
53	nt	Đầu cầu (Hàng nước đá ông Hil)	Đầu kênh Tân Điền nhà ông Quách Hôn (2 bên)	1,2
54	nt	Đầu cầu (Cuối nhà ông Hòa)	Hết ranh đất ông Võ Văn Go (2 bên)	1,2
55	nt	Hết ranh đất ông Võ Văn Go	Đầu Kênh Đứng	1,2
56	Đường số 4	Đầu cầu nhà ông Năm Thiện (Phía trên bờ)	Ngã ba Cầu UBND xã Phú Tân	1,2



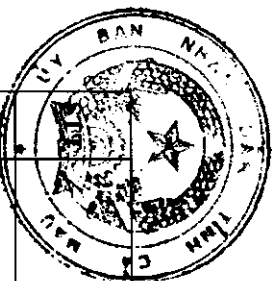
Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
	Từ (3)	Đến (4)	
(2)			(5)
57	nt	Ngã ba cầu UBND xã Phú Tân	1,2
58	nt	Đầu cầu UBND xã Phú Tân	1,2
59	nt	Ngã ba kênh xáng (2 bên)	1,2
60	nt	Hết ranh đất ông Sáu Báo	1,2
61	Các tuyến lộ khác	Đầu cầu nhà ông Dol (Bờ Nam)	1,2
62	nt	Đầu cầu (Nhà ông Tráng) bờ Bắc	1,2
63	nt	Đầu kênh xáng (Nhà ông Tuấn)	1,0
64	nt	Đầu cầu (Nhà ông Trãi)	1,2
65	Các tuyến lộ khác	Đầu cầu (Nhà ông Ba Lan)	1,2
66	nt	Ranh đất Ba Lan về Cổng Đá (Bờ Nam)	1,2
4. Xã Việt Thắng			
67	UBND xã đến cầu Cái Dài	UBND xã Việt Thắng	1,2
68	nt	Hết ranh đất ông Ba Be	1,2
69	nt	Cầu Bào Chầu	1,2
70	UBND xã đến đập Kiểm Lâm (Tuyến lộ cấp 6)	Cầu Đậu Lợi (Tên cũ: Cầu Độ Lợi)	1,0
71	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tài	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
72	nt	Cầu Dân Quán	Đập Kiểm Lâm	1,2
73	Khu Chợ Mới (Áp Hiệp Thành)			
74	Khu Chợ Mới	Cầu Độ Lợi	Hết ranh Khu Chợ Mới	1,2
75	Kênh 30/4 - Bào Chấu	Kênh 30/4	Lộ uỷ ban xã Cao Đài (Tên cũ: Bào Chấu)	1,2
76	Lung Cây Giá đến kênh Kiểm Lâm	Lung Cây Giá	Kênh Kiểm Lâm	1,2
77	Kênh Ba đến kênh So Đũa	Kênh Ba	Kênh So Đũa	1,0
5. Xã Tân Hưng Tây				
78	Cầu Kênh Mới đến chợ Cái Bát	Cầu Kênh Mới (Hướng Đông)	Về hướng chợ Cái Bát: 200m	1,2
79	nt	Cầu Kênh Mới từ mét 201	Cách cầu trạm y tế xã: 100m	1,2
80	nt	Cách cầu trạm y tế xã: 100m	Cầu trạm y tế xã	1,2
81	Cầu Kênh Mới đến chợ Cái Bát	Cầu trạm y tế xã	Hết ranh đất ông Tô Thành Khương	1,2
82	Trung tâm chợ Cái Bát	Cầu Cái Bát 2 bên (Khu vực chợ)	Rẽ qua cầu Kênh Ông Xe đến hết trường cấp I, II; trở lại trường mẫu giáo Hướng Dương (lộ cấp 6)	1,2
83	nt	Kênh Ông Xe Bờ Bắc	Đường vào Trường mẫu giáo Hướng Dương	1,2
84	Trung tâm chợ Cái Bát	Kênh Ông Xe Bờ Nam	Trường Tiểu học Tân Hưng Tây A	1,2
85	Các tuyến khác	Đường vào Trường mẫu giáo Hướng Dương (Hướng Bắc)	Hết ranh đất ông Tô Bình Ken	1,2
86	nt	Hết ranh đất ông Tô Bình Ken	Hết ranh đất ông Đỗ Thanh Hồng	1,2



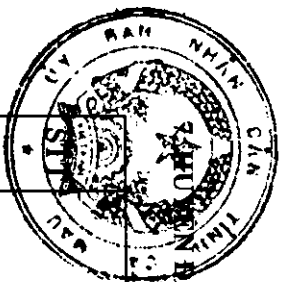
Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
	Từ (3)	Đến (4)	
(2)			(5)
87	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Sứt	Về chùa Ngọc Ân (Cách 200m)
88	nt	Ranh đất ông Lý Thanh	Về cầu Trung ương Đoàn: 200m
89	Lộ Cải Nước - Cải Đới Vàm	Cầu Vàm Đình	Cầu kênh Dứng (Hướng Nam)
90	nt	Cầu kênh Dứng	Cầu Bảo Láng (Hướng Nam)
91	nt	Cầu Vàm Đình	Hết ranh ông Phạm Văn Chàng
92	Tuyến kênh Ông Xe, phía Bắc	Ranh đất ông Đỗ Thanh Hồng	Hết ranh ông Đỗ Đắc Thoi
93	Tuyến kênh Ông Xe, phía Nam	Trường Tiểu học Tân Hưng Tây A	Hết ranh Chùa Ngọc Ân
6. Xã Tân Hải			
94	Tuyến Bảo Láng	Đầu kênh Bảo Láng phía bên sông	Lộ huyện Vàm Đình - Cải Đới Vàm
95	Tuyến Bảo Láng	Đầu kênh Bảo Láng phía bên UBND xã	Lộ huyện Vàm Đình - Cải Đới Vàm
96	Tuyến lộ huyện Vàm Đình - Cải Đới Vàm (Hướng Bắc)	Kênh Mới	Cổng Lung Héo
97	nt	Cổng Lung Héo	Kênh 90
98	Phía UBND xã (Tên cũ: UBND xã đến Dầu Sầu)	Cầu miếu ông Lò (Tên cũ: Trụ sở UBND xã Tân Hải)	Đầu kênh Dầu Sầu
99	nt	Đầu kênh Dầu Sầu	Đầu Kênh Tư
100	Tuyến lộ ven sông Cải Đới	Trụ sở UBND xã Tân Hải	Hết khu Bình Hưng
101	nt	Hết khu Bình Hưng	Kênh 90

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
102	Đổi diện UBND xã (Hướng Tây)	Ngang vàm Bến Địa	Về hướng Cái Đôi Vàm: 500 m	1,2
103	Bến Địa	Vàm Bến Địa	Hết ranh Trường Cấp II (2 bên)	1,2
104	Xóm Trung	Ngang vàm Bến Địa	Đầu kênh Tân Điền	1,2
105	Kênh Mới	Đầu Kinh Mới	Đầu lộ huyện (2 bên)	1,2
106	Kênh Công Nghiệp	Đầu kênh Công Nghiệp	Cuối kênh Công Nghiệp	1,2
107	Tân Phong	Đầu kênh Cái Cắm	Cuối kênh Cái Cắm	1,2
108	Tân Điền	Đầu kênh Tân Điền	Cuối kênh Tân Điền	1,2
109	Kênh Thanh Bình	Đầu Sáo Cạn	Lô hai Thanh Bình	1,2
7. Xã Rạch Chèo				
110	Trung tâm chợ Rạch Chèo	Đầu vàm Kênh Năm	Hết Rạch Chèo Ngọn	1,2
111	nt	Vàm Rạch Chèo	Về hướng trụ sở UBND xã: 200m (2 bên)	1,2
112	nt	Vàm Rạch Chèo + 200m	Trụ sở UBND xã Rạch Chèo (2 bên)	1,2
113	nt	Trụ sở UBND xã Rạch Chèo	Ven sông Bảy Háp theo chỉ giới quy hoạch	1,0
114	nt	Trụ sở UBND xã Rạch Chèo	Cách trụ sở UBND xã Rạch Chèo: 250m (Về hướng đầu Kênh 90, 2 bên)	1,2
115	nt	Cách trụ sở UBND xã Rạch Chèo: 250m (Về hướng đầu Kênh 90, 2 bên)	Đầu kênh 90	1,2
116	nt	Vàm Rạch Chèo Ngọn	Hết ranh Trường tiểu học Rạch Chèo	1,2



Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường			Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
	Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
117	Tuyến Kênh 90	Vàm Kênh 90	Đê biên Tây (Phía Đông)	1,0
118	nt	Ngã ba Đường Ven (Phía Đông)	Cầu Kênh 90	1,2
119	Tuyến lộ huyện Vàm Đình - Cái Đôi Vàm (Hướng Nam)	Cầu Kênh 90	Cống Lung Heo	1,2
120	nt	Cống Lung Heo	Cầu Bảo Lăng	1,2
121	Kênh Năm (Về UBND xã Tân Hưng Tây)	Cầu Kênh 5	Cầu Cống Mới	1,2
122	nt	Cầu Cống Mới	Bùn bình Cái Bát	1,2
123	Kênh 5	Vàm Kênh 5	Đầu kênh Tư Gà	1,0
8. Xã Nguyễn Việt Khái				
124	Khu trung tâm xã	Cửa Gò Công	Trạm Y tế	1,2
125	nt	Cầu UBND xã	Cầu Rạch Lặc Nhỏ phía trên bờ	1,0
126	nt	Giáp Khu tái định cư	Ban quản lý Rừng Phòng hộ Sào Lưới	1,0
127	Khu dân cư Gò Công (Khu Cù Lao)			1,0
128	Khu tái định cư Gò Công			1,0
129	Phan Ngọc Hiến	Cầu kênh Kiểm Lâm mới	Kênh Năm Nhung	1,2
130	nt	Kênh Năm Nhung	Đầu lộ về xã Nguyễn Việt Khái	1,2
131	nt	Đầu lộ về xã Nguyễn Việt Khái	Hết đất ông Phạm Văn Khương (Tên cũ: Hết đất ông Nguyễn Thành Khương)	1,2
132	Tuyến Rạch Cái Đôi Nhỏ (2 bên)	Cầu Cái Đôi Nhỏ	Đầu kênh Tạm Cấp	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ (3)	Đến (4)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
133	nt	Kinh Năm Nhung	Kinh Cờ Trắng	1,2
134	Tuyến lộ Gò Công - Cái Đôi Vàm	Cầu Rạch Lạc Nhỏ	Cầu Cái Đôi Nhỏ	1,0
135	nt	Cầu Cái Đôi Nhỏ (Hướng Đông)	Đường vào công huyện đội	1,2
136	Tuyến lộ Gò Công - Cái Đôi Vàm	Đường vào công huyện đội	Cầu Kiềm Lâm	1,2
137	Xóm Gò Công cũ	Cầu Trắng	Hết lộ hiện hữu	1,2
138	Tuyến kênh Năm Nhung	Phan Ngọc Hiến	Rạch Cái Đôi Nhỏ	1,2
139	Khu hành chính huyện mới	Khu hành chính thuộc ấp Cái Đôi Nhỏ		1,2
140	Kênh Tập Đoàn	Đầu kênh Tập Đoàn	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Lùng (Tên cũ: Hết ranh đất ông Đặng Văn Lùng)	1,0
141	Kênh Tân Tiến	Đầu cầu Tân Tiến	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hén (Tên cũ: Hết ranh đất ông Đoàn Văn Dân)	1,0
142	Tuyến lộ xã	Đầu cầu UBND xã	Hết ranh đất ông Võ Văn Phuól	1,2
143	Tuyến lộ về trung tâm xã Nguyễn Việt Khái	Phan Ngọc Hiến (Vào 30m)	Cầu Cái Đôi Nhỏ	1,2
144	nt	Cầu Cái Đôi Nhỏ	Cầu Kênh huyện ủy	1,2
145	nt	Cầu Kênh huyện ủy	Tuyến lộ về trung tâm xã (Cũ)	1,0
	Tuyến lộ trong khu tái định cư			1,0
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2



Huyện Dân Dời

**Đường,
tuyến lộ, khu vực**

Đoạn đường

**Hệ số điều
chỉnh giá đất
năm 2015 (K)**

(1)

(2)

Từ

Đến

(3)

(4)

(5)

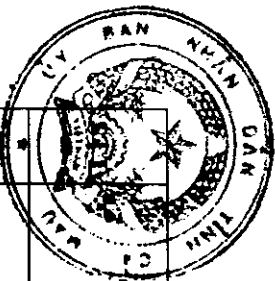
1. Xã Tạ An Khương Đông

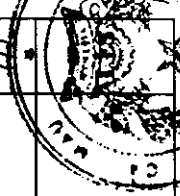
01	Xã Tạ An Khương Đông	Trung tâm xã Tạ An Khương Đông		1,2
02	nt	UBND xã	Hết ranh Trường tiểu học	1,2
03	Đường ô tô về trung tâm xã	UBND xã	Hết ranh Trạm Viễn thông	1,2
04	nt	Hết ranh Trạm viễn thông	Ranh xã Tạ An Khương Nam	1,2
05	Xã Tạ An Khương Đông	UBND xã	Về các hướng còn lại: 200m	1,2
06	nt	Ngã tư Cây Mết	Về các hướng: 200m	1,2
07	nt	UBND xã	Về vàm Ký Thuật: 200m (Phía lộ GTNT)	1,2
08	nt	UBND xã	Về Kênh 5: 200m (Phía lộ GTNT)	1,2

2. Xã Tạ An Khương

09	Xã Tạ An Khương	Ngã tư Cây Nỏ	Về 4 hướng 200m	1,2
10	nt	Ngã tư Xóm Ruộng	Về 3 hướng: 200m (Tên cũ: Về 2 hướng: 200m)	1,2
11	nt	Ngã tư Cầu Ván	Về 3 hướng: 200m (Tên cũ: Về 4 hướng: 200m)	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
3. Xã Tạ An Khương Nam				
12	Xã Tạ An Khương Nam	UBND xã	Về hướng kênh xáng Sáu Đồng 400m	1,2
13	nt	UBND xã	Về hướng Tân Hồng: 200m (Theo tuyến lộ) phía bờ Đông	1,2
14	nt	UBND xã	Về hướng Tân Hồng: 200m (Theo tuyến lộ) phía bờ Tây	1,2
15	nt	UBND xã	Cầu Hai An	1,2
16	Xã Tạ An Khương Nam	Cầu Hai An	Về hướng ngã ba Cây Dương, giáp thị trấn (Theo tuyến lộ)	1,2
17	Đường ô tô về trung tâm xã	Cầu lô 17 (Giáp ranh thị trấn)	Giáp ranh xã Tạ An Khương Đông	1,2
4. Xã Tân Trung				
18	Xã Tân Trung	Cổng Nhị Nguyệt	Về 2 hướng (Sông Nhị Nguyệt và Tân Trung): 200m	1,2
19	nt	Bến phà Hòa Trung	Về hướng UBND xã (2 bên lộ Đầm Dơi - Cà Mau): 200m	1,2
20	nt	Bến phà Hòa Trung + 200m	Cổng Tám Sĩ (2 bên lộ Đầm Dơi - Cà Mau)	1,2
21	nt	Cổng Tám Sĩ	Về hướng Ngã ba cống chào (2 bên lộ Đầm Dơi - Cà Mau): 1.000m	1,2



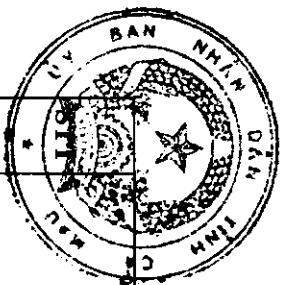
 Đường, tuyến lộ, khu vực		Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
22	nt	Ngã ba Cống Chảo	Đập Hội Đồng Ninh (Tên cũ: 2000m về hướng đập Hội Đồng Ninh)	1,2
23	nt	Ngã ba Cống Chảo	Về Đầm Dơi - Cống Nhị Nguyệt (Tên cũ: Về hướng Đầm Dơi (2 bên lộ): 1000m)	1,2
24	nt	Ngã ba Cống Chảo	Sông Bảy Háp	1,2
25	nt	Đập Thầy Cai	Về hướng Đầm Dơi: 800m	1,2
26	nt	Đập Thầy Cai	Về hướng Lung Vê: 2000m	1,2
27	nt	Bến phà Hòa Trung	Đầu nối Hòa Thành (2 bên lộ)	1,2
28	nt	Đập Hội Đồng Ninh	Đập Bà Ban	1,2
29	nt	Đập Giáo Cừ 1.700m	Về hướng xã Tân Trung	1,2
30	nt	Đập Bà Ban	Cách cống Nhị Nguyệt: 200m	1,2
5. Xã Tân Thuận				
31	Xã Tân Thuận	UBND xã Tân Thuận	Cụm kinh tế kỹ thuật xã Tân Thuận	1,2
32	nt	UBND xã Tân Thuận (Theo kênh xáng phía bên UBND xã)	Về hướng Vàm mương: 1000m	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường			Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
33	Xã Tân Thuận	Khu QHDC 1/500 (Tên cũ: Cụm kinh tế kỹ thuật xã Tân Thuận (Gành Hào))			1,2
34	nt	Ngã ba Xóm Tắc (Đất ven sông, về hướng ngã ba Bông Kết)	Hết ranh đất ông Việt Hùng (Ngang chùa Kim Liên Cổ Tự)		1,2
35	nt	Ngã ba Xóm Tắc (Đất ven sông, phía Tây)	Về các hướng Thuận Hòa: 300m		1,2
36	nt	Ngã ba Cây Tàng (Đất ven sông)	Về 2 hướng (Xóm Tắc, Ao Bông): 500m		1,2
37	nt	Ngã tư Trạm Y tế	Về các hướng: 200m		1,2
38	nt	Ngã ba Bồn Bồn	Về các hướng: 200m		1,2
39	nt	Ngã Tư ông Rum	Về các hướng: 200m		1,2
6. Xã Tân Đức					
40	Xã Tân Đức	Ngã tư Hiệp Bình	Về các hướng: 200m		1,2
41	nt	Ngã tư Tân Phước (Đầu Trâu)	Về các hướng: 200m		1,2
42	nt	Ngã tư kênh Sáu Đông	Về các hướng: 200m		1,2
43	nt	Ngã tư Hiệp Bình + 200m	Hết ranh Trường tiểu học Hòa Bình		1,2
44	Đường ô tô về trung tâm xã	Ngã Tư Đầu Trâu	Cầu qua sông Hiệp Bình		1,2



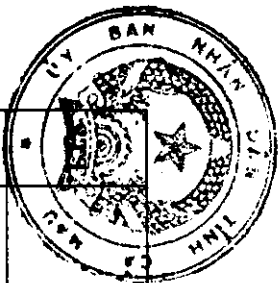
	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
45	Ngã tư Soa Đũa	Về các hướng: 200m		1,2
46	Ngã tư Ông Rùm	Về các hướng: 200m		1,2
47	Ngã tư Cây Mết	Về các hướng: 200m		1,2
48	Ngã tư Chông Mỹ	Về các hướng: 200m		1,2
7. Xã Tân Tiến				
49	Xã Tân Tiến	Cầu Ông Búp (Phía Nam)	Hết ranh bên tàu Tân Tiến (Đất ven sông)	1,2
50	nt	Cách bến tàu Tân Tiến: 30m (Về phía sau, giới hạn lộ Cả Học - Tân Tiến)	Cầu Ông Búp (Phía sau nhà lồng, giới hạn lộ Tân Tiến - Cả Học)	1,2
51	nt	Cổng Ông Búp (Phía UBND xã)	Về hướng Tắc Cây Bần: 200m	1,2
52	nt	Bến tàu Tân Tiến	Về hướng Cây Tàng (Đất ven sông)	1,2
53	nt	Đất các dãy tiếp giáp nhà lồng		1,2
54	nt	Móng cầu ông Búp	Hết khu văn hóa Tân Tiến (Giáp ấp Thuận Thành)	1,2
55	Xã Tân Tiến	Khu văn hoá Tân Tiến	Ngã ba Cây Tàng (2 bên lộ xe Tân Tiến - Cả Học)	1,2

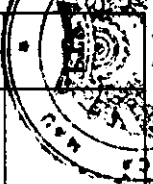
STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
56	nt	Ngã ba Cây Tàng (Phía Đông)	Về 2 hướng : 500m (Nước Trong và Đồn biên phòng)	1,2
57	nt	Ngã ba trạm y tế 2 bên lộ xe (lộ bê tông) (Tên cũ: Cầu Ông Búp 2 bên lộ xe)	Ngã ba lộ xe về xã Tân Thuận	1,2
58	nt	Cầu Ông Búp	Về hướng Tắc Cây Bần: 200m (Phía UBND xã)	1,2
59	nt	Cầu Ông Búp + 200 m	Về hướng Tắc Cây Bần (Đối diện UBND xã)	1,2
60	Xã Tân Tiến	Ngã ba Đầu Trâu	Về các hướng: 200m	1,2
61	nt	Ngã ba đập Mặt Trời	Về các hướng: 200m	1,2
62	nt	Ngã ba kênh Nghĩa Hải	Về các hướng: 200m	1,2
63	nt	Cầu Ông Búp 2 bên lộ xe	Bến phà Tân Tiến - Tân Thuận	1,2
64	nt	Ngã 3 lộ xe về xã Tân Thuận	Cầu Chùm Lựu	1,2
65	nt	Cầu Chùm Lựu	Cầu Tân Đức 2	1,2
66	nt	Ngã 3 Cây Tàng (2 bên lộ xe Tân Tiến - Cà Học)	Cà Học	1,2
8. Xã Tân Dân				
67	Xã Tân Dân	Ngã ba kênh Sáu Thước	Về các hướng: 300m	1,2



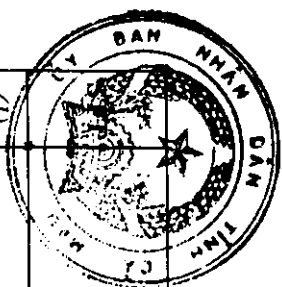
	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
68	nt	Ngã ba Lô 4	Về hướng Lô 1: 300m	1,2
69	nt	Ngã ba Lô 4	Về hướng Đông: 300m	1,2
70	nt	Ngã ba Lô 1	Về các hướng: 300m	1,2
71	nt	Cầu Cả Bát (Lộ Đầm Dơi - Tân Tiến)	Về hướng cầu Vũ Đức: 1500m	1,2
72	Đường ô tô về trung tâm xã	Cầu Cả Bát	Kênh Lò Gạch	1,2
73	nt	Kênh Lò Gạch	Ngã ba Lô 4	1,2
74	Xã Tân Dân	Kênh Mới	Về các hướng: 500m	1,2
9. Xã Tân Duyệt				
75	Xã Tân Duyệt	Khu Quy hoạch chợ ấp 9 (Cầu ấp 9 về hướng Thanh Tùng (Tên cũ: Trung tâm chợ ấp 9 (2 bên lộ Đầm Dơi - Thanh Tùng))		1,2
76	nt	Cầu ấp 9	Hướng về Đầm Dơi 700m (Tên cũ: Về các hướng: 500m)	1,2
77	nt	Cổng ngã tư Xóm Ruộng (Lộ Đầm Dơi - Cà Mau)	Cổng Tám Đức (Giáp xã Tân Trung)	1,2
78	nt	Cách cổng ngã tư Xóm Ruộng: 30m	Cầu kênh Dân Quân	1,2
79	nt	Ngã ba Cổng Đá	Về các hướng: 200m	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
80	nt	Ngã tư Ông Bình	Về hai hướng: 500 m	1,2
81	nt	Ngã ba Rạch Sao	Hướng về cầu Lung Dừa (Tên cũ: Về các hướng: 200m)	1,2
82	nt	Ngã ba Rạch Sao + 201m (2 bên lộ)	Về các hướng	1,2
83	nt	Cổng áp 10	Về hai bên cống: 300m	1,2
84	nt	Đoạn Ngã Tư Ông Bình	Cầu Bào Vuông	1,2
85	nt	Ngã Tư Ông Bình	Cổng đá (Tên cũ: Cầu Bảy Thi)	1,2
86	Xã Tân Duyệt	Đoạn Cầu Lung Ứng	Cầu Bào Vuông	1,0
87	nt	Đoạn Cầu Thầy Chương	Cầu Lung Ứng	1,2
88	nt	Đoạn Cầu Thầy Chương	Cầu Bào Bèo	1,2
89	nt	Lộ Đầm Dơi Thanh Tùng	Các Đoạn còn lại	1,2
90	nt	Cầu Rạch Sao II	Cầu Kinh Hàng Dừa	1,2
91	nt	Cầu Kinh Hàng Dừa	Cổng Lung Gạo	1,2
92	nt	Cổng đá	Giáp ranh xã Quách Phẩm Bắc (lộ 709)	1,2



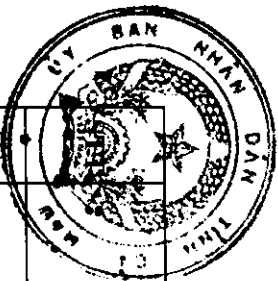
 Đường, tuyến lộ, khu vực		Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
10. Xã Trần Phán				
93	Xã Trần Phán	Cổng Chà Là	Hết ranh bên tàu liên huyện (Trên lộ và dưới sông)	1,2
94	nt	Bến tàu liên huyện	Kênh Chín Y	1,0
95	nt	Kênh Chín Y	Cổng Bờ Đập (Sông Bảy Háp)	1,2
96	nt	Cổng Chà Là	Cầu Chà Là I (Hướng Bắc)	1,2
97	nt	Cổng Chà Là	Cầu Chà Là I (Hướng Nam)	1,2
98	nt	Cầu Chà Là I + 200m (Tên cũ: Cầu Chà Là I)	Về hướng sông Chà Là: 200m (2 bên)	1,2
99	nt	Cổng Chà Là	Cầu Kéo cũ (Trạm y tế cũ)	1,2
100	Xã Trần Phán	Trạm y tế (Tên cũ: Cầu Kéo cũ (Trạm y tế cũ))	Bến phà Chà Là (2 bên lộ dọc theo sông Bảy Háp)	1,2
101	nt	Cầu Chà Là (2 bên lộ Chà Là - Cải Keo)	Lộ Chà Là - Cải Nước	1,2
102	nt	Cầu Chà Là I	Kênh Chín Y (2 bên lộ Chà Là - Tân Trung)	1,2
103	nt	Kênh Chín Y	Cách cổng Bờ Đập: 200m (2 bên lộ Chà Là - Tân Trung)	1,2
104	nt	Cổng Bờ Đập	Về các hướng còn lại: 200m	1,0

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
105	nt	Đê ngăn mặn áp Nhị Nguyệt	Về 2 hướng: 200m (Trần Phán và sông Nhị Nguyệt)	1,0
106	nt	Cầu Sáu Hoàng	Cầu Út Hà	1,2
107	nt	Cầu Sáu Hoàng	Cầu Chà Là II (Lộ Đầm Dơi - Cái Nước)	1,0
108	nt	Cầu Chà Là II	Cầu Bá Huê (Lộ Đầm Dơi - Cái Nước)	1,2
109	nt	Cầu Bá Huê	Cầu Kênh Nai (Lộ Đầm Dơi - Cái Nước)	1,2
110	nt	Cầu kênh Nai	Cống Lung Gạo giáp ranh xã Tân Duyệt	1,2
111	Xã Trần Phán	Cầu Sáu Hoàng	Hết ranh bên phả Chà Là	1,2
112	Lộ bê tông số 3	Ngã tư lộ Chà Là	Đường bê tông số 3 (Đường vào Trường trung học cơ sở xã Trần Phán cũ)	1,2
11. Xã Nguyễn Huân				
113	Xã Nguyễn Huân	Bến tàu Vàm Đầm	Ngã ba Vàm Đầm (Phía mé sông)	1,2
114	nt	Bến tàu Vàm Đầm	Ngã ba Vàm Đầm (Phía trên lộ)	1,2
115	nt	Bến tàu Vàm Đầm	Rạch Ông Mao (Phía lộ giáp mé sông lên giáp phía sau dãy nhà nằm trên đường 3-2)	1,2
116	nt	Cách lộ cấp VI đồng bằng 20m	Cầu Ông Mao (2 bên)	1,2



	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
117	nt	Rạch Ông Mao	Hết ranh Trường cấp II	1,2
118	nt	Ngã ba Vàm Dăm	Hết ranh Trạm y tế (Phía mé sông)	1,2
119	nt	Ngã ba Vàm Dăm	Hết ranh Trạm y tế (Phía lộ)	1,2
120	nt	Ngã ba kênh Ba Hồng	Về các hướng: 200m	1,0
121	nt	Ngã ba Bảy Cẩn	Về các hướng: 200m	1,2
122	Xã Nguyễn Huân	Cụm dân cư làng cá Hố Gù		1,2
123	Tuyến lộ cấp VI đồng bằng	Giáp Tân Tiến	Hết ranh Trường Tiểu Học Vàm Dăm (Trừ Ngã ba Kênh Ba Hồng)	1,2
124	Xã Nguyễn Huân	Từ nhà ông Châu Văn Loan	Trường tiểu học Vàm Dăm (tính 2 bên)	1,2
125	nt	Từ nhà ông Dương Văn Chiêu	Đến giáp khu đất người dân tộc (tính 2 bên)	1,2
126	Đường 3-2	Từ nhà ông Trần Văn Lương (giáp đường số 2)	Qua khỏi lộ cấp VI đồng bằng 20m (tính 2 bên)	1,2
12. Xã Ngọc Chánh				
127	Lộ xe Đăm Dơi - Thanh Tùng	Ngã ba Thầy Cẩn	Về hướng nhà thờ: 500m (2 bên lộ xe Đăm Dơi - Thanh Tùng)	1,2
128	nt	Ngã ba Thầy Cẩn	Về hướng Đập Ba Dây: 200m	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
129	nt	Đập Ba Dây: 200m	Cầu Trường Đạo (Giáp ranh xã Thanh Tùng)	1,2
130	Xã Ngọc Chánh	Ngã ba Thầy Cẩn	Về hướng Vàm Đầm: 200m	1,2
131	nt	Ngã ba Cống Đá Nông Trường	Về hướng Bàu Sen: 500m (2 bên lộ), (Trước 200m)	1,2
132	nt	Ngã ba Cống Đá Nông Trường	Về hướng Đồng Gò: 500m	1,2
133	nt	Bào Sen, Nam Chánh	Về hướng nhà thờ 1500m	1,2
13. Xã Quách Phẩm Bắc				
134	Xã Quách Phẩm Bắc	UBND xã Quách Phẩm Bắc	Về hướng Trường cấp II (Tên cũ: Về hướng Trường cấp II (Bên lộ nhựa))	1,2
135	nt	UBND xã	Về hướng Trường cấp II (Tên cũ: Về hướng Trường cấp II (Bên lộ đất))	1,2
136	nt	Trường cấp II	Hết ranh Trường cấp I (2 bên)	1,2
137	Xã Quách Phẩm Bắc	UBND xã	Hết ranh Trường mẫu giáo: 500m (Về hướng sông Cây Kè)	1,2
138	nt	UBND xã	Về hướng Nhà Cũ - Lầu Quốc Gia: 500m	1,2
139	nt	Lầu Quốc Gia	Về hướng Kênh Cùng: 300m	1,0



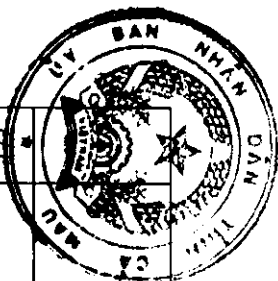
 Đường, tuyến lộ, khu vực		Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
140	nt	Lầu Quốc Gia	Về hướng Bà Hình: 300m	1,0
141	nt	Lầu Quốc Gia	Về hướng Kênh Giữa: 300m	1,2
142	nt	Lầu Quốc Gia + 300m	Cách UBND xã: 500m	1,0
143	nt	Cầu Bà Hình	Về sông Bà Hình: 500m	1,2
144	Xã Quách Phẩm Bắc	Cầu Bà Hình	Về hướng Lầu Quốc Gia: 500m	1,0
145	nt	Cầu Bà Hình	Giáp ranh xã Quách Phẩm	1,2
146	nt	Giáp Trần Phán (Kênh Út Hà)	Cách Lầu Quốc Gia: 300m	1,0
14. Xã Thanh Tùng				
147	Xã Thanh Tùng	UBND xã Thanh Tùng cũ	Cầu Bảo Mù (Chợ Thanh Tùng) + 60m (Hết ranh cây xăng Hoàng Búp)	1,2
148	nt	Cầu Bảo Mù	Về hướng Kênh Ba (2 bên)	1,2
149	nt	Cây xăng Hoàng Búp	Cầu Bảo Dừa	1,2
150	nt	Cầu Bảo Dừa	UBND xã Thanh Tùng mới (Hướng Tây)	1,2
151	nt	Cầu Bảo Dừa	Về hướng Xóm Dừa (2 bên): 200m	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
152	nt	Đầu kênh Trường Đạo	Về hướng Vàm Đầm: 200m	1,2
153	nt	Đầu kênh Ông Đơn	Về hướng Trường Đạo: 200m	1,2
154	nt	Đầu Kênh 3	Về hướng Đập Xóm Miên: 200m	1,2
155	nt	Đập Thanh Tùng	Đập Trường Đạo (Tuyến lộ nhựa)	1,2
156	Xã Thanh Tùng	Cầu Thanh Tùng	Hướng Trụ sở văn hoá: 200m (2 bên)	1,2
157	nt	Cầu Trường Đạo	Trường tiểu học Thanh Tùng (Điểm Trường Đạo)	1,2
158	nt	UBND xã cũ	Ngã 3 chợ Thanh Tùng (nhà ông Nguyễn Văn Định)	1,2
159	nt	Salatel	Đập Xóm Miên (2 bên)	1,2
160	nt	Đập Xóm Miên	Về hướng đầu kênh 3: 200m	1,2
15. Xã Quách Văn Phẩm				
161	Xã Quách Văn Phẩm	Cầu Cái Keo 1	Hết ranh Trường Mẫu giáo (Trung tâm chợ)	1,2
162	nt	Trường Mẫu giáo	Về hướng ngã ba Cây Dương: 100m	1,2
163	nt	Trường mẫu giáo + 100m	Ngã ba Cây Dương (Giáp Năm Cẩn)	1,2

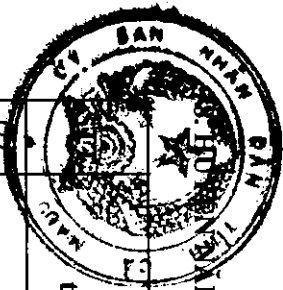


	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
164	nt	Ngã ba Cây Dương	Về hướng sông Cải Nhấp: 200m	1,2
165	nt	Cầu Cải Keo 1	Hết ranh Trường Cấp II	1,2
166	Xã Quách Văn Phẩm	Trường cấp II	Hết ranh Trường THPT liên huyện	1,2
167	nt	Hết ranh Trường THPT liên huyện	Cách cổng Bà Hính: 400m	1,2
168	nt	Bến tàu Bà Hính	Về hướng chợ Bà Hính: 200m	1,2
169	nt	Bến tàu Bà Hính	Về phía sông Bà Hính: 200m	1,2
170	nt	Cầu Cải Keo 1	Về hướng Cầu Cải Keo 2 (2 bên): 200m	1,2
171	nt	Cầu Cải Keo 2 + 200m	Về hướng sông Cải Keo (2 bên): 300m	1,2
172	nt	Cổng Bảo Hầm	Về các hướng: 200m	1,2
173	nt	Ngã ba Khạo Đỏ	Về các hướng: 200m	1,2
174	nt	Cầu Cải Keo 2 + 300m	Cách cổng Bảo Hầm: 200m	1,2
175	nt	Ngã tư chợ Bà Hính + 201 m	Cầu út Thoạt	1,2
176	nt	Cầu Cải Keo II	Bến phà Cây Dương	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
177	nt	Trung tâm hành chính xã	Bến phà Cây Dương	1,2
178	nt	Giáp lộ nội ô chợ Cái Keo	Giáp ranh Chùa Hưng Thới Tự	1,2
179	Đường số 2, 3, ấp Cái Keo	Giáp đường số 10	Giáp đường số 8	1,2
180	Đường số 5, ấp Cái Keo	Giáp đường số 11	Giáp ngã 3 Cây Dương về hướng sông Cái Nhấp 200m	1,2
181	Đường số 6, ấp Cái Keo	Giáp đường số 14	Giáp ngã 3 Cây Dương về hướng sông Cái Nhấp 200m	1,2
182	Đường số 9, ấp Cái Keo	Lộ nội ô chợ Cái Keo	Giáp lộ trung tâm hành chính xã - Bến phà Cây Dương	1,2
183	Đường số 10, ấp Cái Keo	Lộ nội ô chợ Cái Keo	Giáp lộ trung tâm hành chính xã - Bến phà Cây Dương	1,2
184	Đường số 11, ấp Cái Keo	Lộ nội ô chợ Cái Keo	Giáp lộ trung tâm hành chính xã - Bến phà Cây Dương	1,2
185	Đường số 12, ấp Cái Keo	Lộ nội ô chợ Cái Keo	Giáp đường số 5	1,2
186	Đường số 14, ấp Cái Keo	Lộ nội ô chợ Cái Keo	Bến phà Cây Dương	1,2
187	Đường số 3, ấp bà Hính	Giáp nhà ông Lý Văn Mến	Giáp đường số 5	1,2
188	Đường số 4, ấp bà Hính	Giáp đường số 2	Giáp đường số 3	1,2

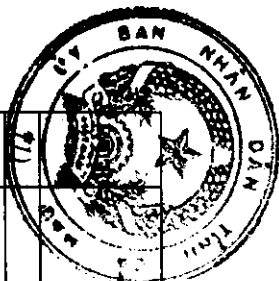


Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
	Từ	Đến	
(2)	(3)	(4)	(5)
189 Đường số 3, ấp bà Hinh	Giáp đường số 2	Ngã tư chợ Bà Hinh + 201 m về cầu út Thoạt	1,2
190 Đường số 5, ấp bà Hinh	Giáp lộ ô tô về trung tâm xã	Giáp đường số 2	1,2
191 Tuyến trung tâm xã	Cầu Cai Keo II	Giáp lộ trung tâm xã	1,2
Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2
	Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2



	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
	(2)	(3)	(4)	(5)
I. Xã Tam Giang Đông				
1	Ấp Vinh Hoa	Ranh đất ông Khánh	Hết ranh đất ông Ưt Huỳnh	1,2
2	nt	Ranh đất ông Vĩnh	Cầu nhà bà Chín Thành	1,2
3	Ấp Kinh Ba	Khu dân cư ấp Kinh Ba	Hết ranh đất ông Phên (Kênh Ba)	1,2
4	nt	Ranh đất ông Hồng	Vàm Cái Nước	1,2
5	nt	Hết ranh đất ông Chín Mai	Rạch Xẻo Bả	1,2
6	Ấp Hố Gui	Cụm quy hoạch - tái định cư dân cư Hố Gui 1,2 và tái định cư khu 1 ấp Hố Gui		1,2
7	Ấp Bò Hủ	Cụm quy hoạch dân cư Vàm Cái Nước	Khu dự án CWPĐ	1,2
8	nt	Khu tái định cư Bò Hủ Lớn	Bò Hủ	1,2
9	Ấp Vinh Hoa	Ranh đất bà Ba Dành	Hết ranh đất ông Sol	1,0
10	nt	Ranh đất ông Thắng	Hết ranh đất ông Chấn (Tiểu khu 132)	1,2
11	Ấp Hố Gui	Kênh xáng khu tái định cư (Ranh đất ông Ba Minh)	Hết ranh đất ông Bảy Lợi	1,2
12	Ấp Kinh Ba	Rạch Xẻo Bả	Hết ranh đất bà Liễu	1,0

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
13	Áp Mai Vinh	Ranh đất ông Lê A	Hết ranh đất ông Ba Giảng	1,0
2. Xã Tam Giang				
14	Xã Tam Giang	Ranh đất ông Lam Phương	Hết ranh đất ông Dòn	1,2
15	nt	Ngã tư chợ	Hết ranh đất ông Khôi	1,2
16	nt	Ranh đất ông Tư Giang	Hết ranh Đồn Biên Phòng 672	1,2
17	nt	Hết ranh Đồn Biên phòng 672	Trạm y tế xã	1,2
18	nt	Hết ranh Trạm y tế xã	Kênh 1	1,2
19	nt	Ranh đất ông Sét	Hết ranh đất ông Bảy Hụi	1,2
20	nt	Ranh đất ông Khấn	Hết ranh đất ông Thành	1,2
21	Xã Tam Giang	Hết ranh Trường tiểu học 1	Kênh Bó Bầu (Lộ sau UBND xã)	1,2
22	nt	Ranh đất bà Đào	Hết ranh đất ông Sơn	1,2
23	nt	Ranh đất ông Lân	Hết ranh đất Trại giống Út Quang	1,2
24	nt	Trường tiểu học 184 (Ranh đất ông Vũ)	Hết ranh Phấn Trường 184	1,2
25	nt	Hết ranh Phấn trường 184	Rạch Cái Nhám Nhỏ	1,2



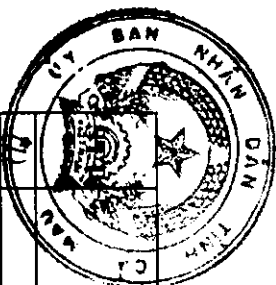
 Đường, tuyến lộ, khu vực		Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
26	nt	Rạch Cái Nhám Nhỏ	Kênh Cây Mắm	1,2
27	nt	Giáp ranh Trường cấp 2	Hết ranh đất ông Hai Nhị	1,2
28	nt	Bến phà Kinh 17	Bến phà Tam Giang III	1,2
29	nt	Kênh Ông Đom	Hết ranh đất ông Hai Nhị	1,0
30	nt	Cầu Bỏ Bàu	Bến phà Tam Giang III	1,0
3. Xã Hiệp Tùng				
31	Xã Hiệp Tùng	Trụ sở UBND xã Hiệp Tùng	Hết ranh hàng dây ông Bảy Hoài (Số 1)	1,2
32	nt	Vàm Cái Ngay	Kênh Cá Chốt	1,2
33	nt	Vàm kênh Năm Sâu	Hết ranh trụ sở UBND xã	1,2
34	nt	Vàm kênh Năm Sâu	Trường trung học cơ sở xã Hiệp Tùng (Tên cũ: Hết ranh Trung tâm văn hoá xã)	1,2
35	nt	Giáp ranh Trường Tiểu học 1	Ngã tư kênh Năm	1,2
36	nt	Hết ranh Trung tâm văn hoá xã	Hết ranh Trường THCS xã Hiệp Tùng	1,2
37	nt	Hết ranh Trường THCS xã Hiệp Tùng	Cầu kênh Năm Căn	1,2
38	Kênh Năm Căn	Cầu Kênh Năm Căn	Cầu Nàng Kèo	1,0

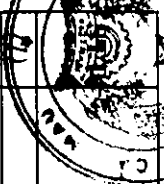
STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
39	Xóm Lung	Cầu Xóm Lung	Ranh đất ông Hận	1,0
4. Xã Hàm Rồng				
40	Quốc lộ 1A	Bến phà Đầm Cù	Ngã ba cầu Đầm Cù	1,2
41	nt	Mố cầu Đầm Cù (Tên cũ: Cầu Đầm Cù)	Mố cầu Lòng Tong (Tên cũ: Cầu Lòng Tong)	1,2
42	nt	Mố cầu Lòng Tong (Tên cũ: Cầu Lòng Tong)	Mố cầu Ông Tinh (Tên cũ: Cầu Ông Tinh)	1,2
43	Lộ Cây Dương	Quốc lộ 1A	Hết ranh bên phà Đầm Cù cũ	1,2
44	Các tuyến khác	Quốc lộ 1A	Mố cầu 19/5 (Tên cũ: Cầu 19/5)	1,2
45	Các tuyến khác	Bà Lai Thị Tài (Tên cũ: Quốc lộ 1A)	Bến phà Đầm Cù cũ (Tên cũ: Giáp lộ Cây Dương (Hương Tây))	1,2
46	nt	Hết ranh bên phà Đầm Cù cũ	Hết ranh bên phà Đầm Cù mới	1,2
47	nt	Quốc lộ 1A	Hết ranh UBND xã	1,2
48	nt	Ranh UBND xã (Tên cũ: Hết ranh UBND xã)	Mố cầu Cái Trắng Lá (Tuyến Cây Dương) (Tên cũ: Cầu Cái Trắng Lá (Tuyến Cây Dương))	1,2
49	nt	Mố cầu Cái Trắng Lá (Tên cũ: Cầu Cái Trắng Lá)	Bến phà Cây Dương (Tên cũ: Hết ranh bên phà Cây Dương)	1,2
50	nt	Trụ sở Quận sự xã (Tên cũ: Đội thuế)	Trại giống Hoà Lợi	1,0



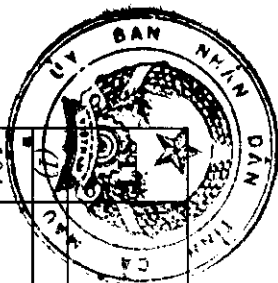
Đường, tuyến lq, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
	Từ	Đến	
(2)	(3)	(4)	(5)
51	Sông Bảy Háp	Cầu Cái Trăng Lá (Tên cũ: Vàm Truyền Huấn)	1,2
52	nt	Cầu Truyền Huấn	1,2
53	nt	Cầu Truyền Huấn	1,0
54	nt	Ranh đất ông Lương Văn Có	1,0
55	Xã Hàm Rồng	Ranh đất ông Danh Hồng Hậu	1,0
56	nt	Cầu Cái Trăng	1,2
57	nt	Cầu 19/5	1,2
58	nt	Cầu 19/5	1,2
59	Xã Hàm Rồng	Mố cầu kênh Năm (Tên cũ: Cầu kênh Năm)	1,2
60	nt	Ranh đất ông Tiết Văn Góp	1,2
61	nt	Vàm kênh Ngang	1,2
62	nt	Ranh đất bà Lâm Hồng Huệ	1,2
63	nt	Ranh đất ông Tô Văn Út	1,2
64	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Que	1,0

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
65	Xã Hàm Rồng	Quốc lộ 1A	Hết ranh đất bà Lê Thị Phiếm (Hương Nam)	1,2
66	Kênh Ông Tỉnh	Ranh đất ông Lai Hoàng Văn	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Bảy (Hương Nam)	1,2
67	nt	Ranh đất ông Trần Hữu Hiệp	Hết ranh đất ông Trần Văn Tuấn	1,2
68	Kênh Cận	Ranh đất ông Đặng Ngọc Dành	Hết ranh đất ông Trương Văn Hùng	1,2
69	Kênh Tắc	Ranh đất ông Đặng Ngọc Dành	Hết ranh Trại sở văn hoá ấp Cái Nai	1,2
70	Sông Bảy Háp	Vàm kênh Tắc	Vàm Xẻo Chồn	1,0
71	nt	Ranh đất ông Phạm Phi Long	Cầu Kênh Mới (2 bên)	1,0
72	nt	Cầu kênh Mới	Hết ranh đất ông Thái Ngọc Tự (2 bên)	1,2
73	Kênh Tắc	Ranh đất Phạm Việt Dũng	Vàm Kênh Tắc	1,2
74	Kinh Năm Cùg	Ranh đất ông Nguyễn Văn Ty	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hùng	1,2
75	Áp Truyền Huán	Từ đất ông Huỳnh Tự Dưng	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Chiến	1,2
5. Xã Hàng Vĩnh				
76	Áp Xóm Lớn Trong	Cầu Ông Do	Cầu Xi Tọc	1,2
77	nt	Cầu Kênh Lò	Cầu Xi Tọc (Phía Nam lộ)	1,2
78	nt	Cầu Xi Tọc	Rạch Ông Do (2 bên)	1,2



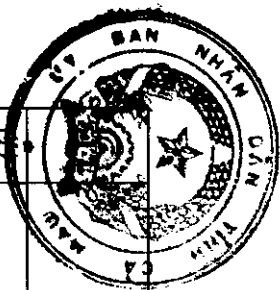
 Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)	
	Từ	Đến		
(2)	(3)	(4)	(5)	
79	nt	Ranh đất ông Nguyễn Tấn Hòa	Hết ranh đất ông Ngô Văn Hò (2 bên)	1,0
80	nt	Ranh đất ông Ngô Văn Mía	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Hóa	1,0
81	nt	Ranh đất ông Lê Thanh Phú	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Lập	1,0
82	nt	Ranh đất ông Lê Văn Mừng	Hết ranh đất ông Phạm Văn Buôi	1,0
83	nt	Ranh đất ông Dương Văn Cáo	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Lê	1,0
84	Ấp Xóm Lớn Ngoài	Vàm Cả Trăng	Hết ranh đất ông Trần Văn Hương	1,2
85	nt	Cầu Xi Tọc	Hết ranh trại giống ông Lê Đức Chính (Dọc theo tuyến sông)	1,2
86	Ấp Xóm Lớn Ngoài	Ranh đất ông Cao Trung Tinh	Ngã tư Cà Trăng	1,0
87	Ấp 2	Đập ông Hai Sang (Tên cũ: Cầu ông Hai Sang)	Cầu Kênh Lò	1,2
88	nt	Ranh đất ông Trần Sang	Hết ranh đất ông Chu Hoàng Phước (Dọc theo tuyến sông) (Tên cũ: Hết ranh đất ông Chu Hoàng Phước (Dọc kênh Trung Đoàn))	1,2
89	nt	Hết ranh đất ông Lê Văn Chom	Hết ranh đất bà Lý Thị Loan (Dãy nhà ngang)	1,2
90	nt	Đập ông Hai Sang (Tên cũ: Cầu ông Hai Sang)	Cầu Trung Đoàn	1,2
91	Ấp 1	Cầu Trung Đoàn	Cầu Chệt Còm	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
92	nt	Cầu Trung Đoàn	Cầu Chệt Còm (Dọc theo tuyến sông)	1,2
93	nt	Cầu Chệt Còm	Cầu Lương Thực	1,2
94	nt	Cầu Chệt Còm	Hẻm nhà bà Bảy Phái (Dọc theo tuyến sông) (Tên cũ: Cầu Giáo Dục (Dọc theo tuyến sông))	1,2
95	nt	Hẻm nhà bà Bảy Phái (Dọc theo tuyến sông) (Tên cũ: Kênh Giáo Dục)	Hẻm Cống chợ (Dọc theo tuyến sông) (Tên cũ: Hết kênh chợ Cá cũ (Dọc theo tuyến sông))	1,2
96	nt	Cầu Tàu	Trước UBND xã cũ	1,2
97	nt	Hẻm Cống chợ (Tên cũ: Kênh chợ Cá cũ)	Hết ranh đất ông Phạm Văn Dũng (Dọc theo tuyến sông) (Tên cũ: Hết ranh đất ông Tám Hạnh (Dọc theo tuyến sông))	1,2
98	nt	Nhà ông Lương Minh Danh (Hẻm Cống Chợ (Tên cũ: Vàm kênh chợ Cá cũ)	Lộ liên huyện	1,2
99	nt	Lộ liên huyện	Cầu ông Tư Lạc	1,2
100	nt	Lộ liên huyện	Hết ranh đất ông Bùi Minh Đức (Tên cũ: Hết ranh đất ông Trần Chiến)	1,2
101	nt	Lộ nhánh nhà ông Hoài Nhơn	Lộ liên huyện	1,2
102	nt	Cầu Lương Thực	Cầu Công An	1,2
103	nt	Vàm kênh Lương Thực	Lộ liên huyện	1,2



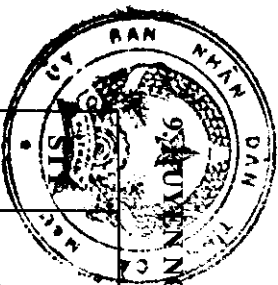
	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
	(2)	(3)	(4)	(5)
104	nt	Cầu Công An	Kênh xáng Cái Ngay	1,2
105	nt	Cầu Công An	Nhà ông Nguyễn Huy Đình (Tên cũ: Ranh đất tường Công Nông cũ (Nhà Huệ Đình))	1,2
106	nt	Cầu Chết Còm	Hết ranh đất ông Mai Xuân Dể	1,2
107	Áp 1	Lộ liên huyện	Hẻm Sơn Suong (Hết ranh đất ông Huỳnh Thanh Hải)	1,2
108	nt	Lộ liên huyện	Hết ranh đất ông Lê Công Lượng	1,2
109	Áp 3	Ranh đất ông Nguyễn Văn Tâm	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Sơn	1,2
110	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Tấn Tài (Tên cũ: Hết ranh đất ông Diên Văn Sơn)	Giáp ranh áp 4	1,2
111	nt	Ranh đất ông Đỗ Văn Thật	Hết ranh đất ông Tuyết Thanh Thum	1,0
112	Áp 3	Ranh đất ông Hòa Hồng Phương	Hết ranh đất ông Nguyễn Thanh Liêm	1,0
113	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Hiệp	Hết ranh đất ông Đỗ Xuân Cường (Tên cũ: Hết ranh đất ông Đỗ Xuân Tường)	1,0
114	nt	Lộ liên huyện	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tình	1,0
115	nt	Ranh đất ông Mã Thanh Huỳnh	Hết ranh đất ông Đặng Quang Sang	1,0
116	Áp 4	Ranh đất ông Nguyễn Văn Dũng	Hết ranh đất ông Lê Thiện Trí (Tên cũ: Hết ranh đất ông Nguyễn Thiện Trí)	1,0

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
117	nt	Trại giống ông Thái Thanh Hòa (Tên cũ: Trại giống ông Thái Văn Hòa)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hồng	1,0
118	nt	Giáp ranh ấp 3	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Vinh	1,0
119	nt	Ranh đất ông Trương Văn Kỳ	Giáp ấp Kênh Mới (Xã Hàm Rồng)	1,0
120	nt	Ranh đất ông Hùng	Hết ranh đất ông An	1,0
121	nt	Ranh đất ông Dũng	Hết ranh đất ông Bình	1,0
122	Áp 2	Ranh đất ông Trần Văn Quận	Ranh đất bà Nguyễn Thị Thanh (dọc kênh Trung Đoàn)	1,2
6. Xã Đất Mới				
123	Áp Ông Do	Vàm Ông Do	Hết ranh đất ông Nhân	1,2
124	nt	Ranh đất ông Trúc	Hết ranh đất ông Hai Sang	1,0
125	nt	Ranh đất ông Thắng Đen	Sông Bảy Háp	1,0
126	nt	Vàm Ông Do	Kênh Bảy Thạnh	1,2
127	Áp Ông Chùng	Dốc Cầu Dây Giăng	Cổng Ông Tà	1,2
128	nt	Trường mẫu giáo (Tên cũ: Trường Tiểu học 2)	Trường tiểu học 2 (Tên cũ: Miếu Ông Tà)	1,2



	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
	(2)	(3)	(4)	(5)
129	nt	Trương Tiểu học 2	Ngã tư Xẻo Ốt	1,2
130	Áp Xóm Mới	Vàm kênh Nước Lên	Kênh Tùng Dện	1,2
131	Áp Phòng Hộ	Vàm kênh Tùng Dện	Hết ranh đất ông Chiến Sò	1,2
132	Áp Trại Lưới A	Trường Tiểu học 4	Hết ranh đất ông Hùng xăng dầu	1,2
133	Áp Trại Lưới A	Trường Tiểu học 4	Ngon Kênh Đào	1,2
134	nt	Vàm Kênh Đào	Ngã ba Kênh Năm	1,2
135	nt	Vàm Trại Lưới	Hết ranh trại giống ông Hùng Cường	1,2
136	Áp Cây Tho	Ngã tư Cây Tho	Hết ranh đất ông Nguyễn Trường Sơn	1,2
137	nt	Ngã tư Cây Tho	Ngã tư Bùi Mắc	1,2
138	Áp Ông Chùng	Trường Trung học cơ sở	Ngã ba Ông Chùng	1,2
139	nt	Ngã ba Ông Chùng	Vàm Ông Do (Bảy Háp)	1,0
140	nt	Dốc Cầu Dây Giăng	Vàm Xẻo Ốt	1,2
141	nt	Dốc Cầu Dây Giăng	Kênh Xăng quốc phòng (giáp thị trấn) (Tên cũ: Cầu Ông Tà)	1,2

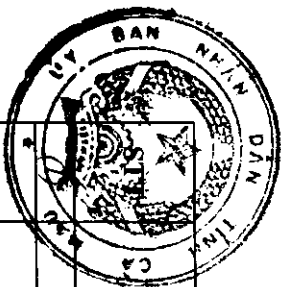
STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
7. Xã Lâm Hải				
142	Áp Xẻo Sao	Vàm Trại Lưới	Vàm Xẻo Sao	1,2
143	nt	Vàm Xẻo Sao	Vàm Lỗ	1,2
144	Áp Trại Lưới B	Rạch Vàm Lỗ	Rạch Nà Nước	1,2
145	Áp Biện Trượng	Ngã ba Đầu Chà	Đổi diện Vàm Nà Chim	1,2
146	nt	Vàm Ông Ngươn	Vàm Ba Nguyễn	1,2
147	Áp Trại Lưới B	Vàm Lỗ	Hết ranh đất ông Nam	1,2
148	nt	Vàm Nà Nước	Kênh Trồn Sóng	1,2
149	Áp Xẻo Lớn + Áp Ông Ngươn	Vàm Ông Ngươn	Hết ranh đất ông Hai Xệ (2 bên)	1,0
150	Áp Ông Ngươn	Ranh đất ông Mận	Vàm Chùng	1,2
151	Áp Chà Là	Ranh đất ông Chia	Hết ranh đất ông Hạ	1,2
152	nt	Ranh đất ông Hạ	Hết ranh đất ông Hùng	1,2
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2



HUYỆN NGỌC HIẾN

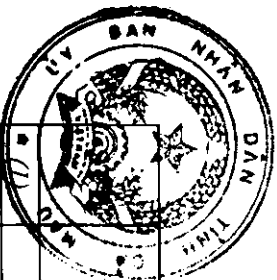
Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
	Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)
1. Xã Tam Giang Tây			
1	Xã Tam Giang Tây	Cầu Tàu	Hết ranh Trạm y tế xã
2	nt	Cầu Tàu	Giáp ranh đất khu liên doanh
3	nt	Ranh đất khu liên doanh 02 bên	
4	nt	Ngã tư Chợ	Hết ranh Trường tiểu học 1 (Chợ Thủ A)
5	nt	Hết ranh trường tiểu học 1	Cầu Bảo Công (Chợ Thủ A)
6	nt	Ranh đất Bưu điện	Hết ranh đất ông Bảy Tùng (Chợ Thủ A)
7	nt	Ranh đất ông Bằng	Hết ranh đất ông Yên (Chợ Thủ A)
8	nt	Ranh đất Bà Loan	Hết ranh Trạm y tế xã (Chợ Thủ A)
9	nt	Ranh đất Bà Xuân	Cầu Thủ (Chợ Thủ A)
10	nt	Cầu Bảo Công	Rạch Bảo VI
11	nt	Ranh đất Trại Biên phòng	Cầu Xẻo Ngang
12	nt	Cầu Thủ	Rạch Xẻo Dung (Chợ Thủ B)

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
13	nt	Cầu Xéo Ngang	Cầu Thủ (Chợ Thủ B)	1,2
14	nt	Hết ranh Trường tiểu học 2	Cầu Ông Tôn (Chợ Thủ B)	1,0
15	nt	Cầu Ông Tôn	Vàm kênh Chín Biện	1,0
16	nt	Ranh đất Trường tiểu học 2	Hết ranh đất ông Dung	1,2
17	Xã Tam Giang Tây	Vàm Cà Nảy Nhỏ	Cầu Xí Nghiệp	1,0
18	nt	Cầu Xí Nghiệp	Hết ranh đất trại giống Quang Hà	1,0
19	nt	Hết ranh Trạm Y Tế (Chợ Thủ A)	Kênh Võ Hào Thuật	1,0
20	nt	Ranh đất Bà Thiện	Hết ranh đất Trường Mẫu Giáo	1,2
21	nt	Ngang Nhà Lồng Chợ	Hết ranh đất Bà Nga	1,2
22	nt	Cầu bà Khệt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Chiến	1,2
23	nt	Lộ cấp VI đồng bằng	Cầu Bảo Vĩ (Đất ông Thanh)	1,2
24	nt	Lộ cấp VI đồng bằng	Hết lộ GTNT hiện hữu (Đất ông Dũng)	1,2
2. Xã Tân Ân Tây				
25	Xã Tân Ân Tây	Cầu ông Định (Tên cũ: Kênh Bảy Tuyền)	Hết ranh Khu nghĩa địa (Trung tâm xã)	1,0



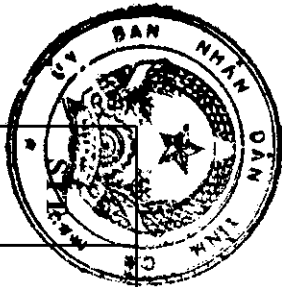
Đường, tuyến lộ, khu vực		Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(2)		(3)	(4)	(5)
26	nt	Khu vực Dơi Đá	Dọc sông Đường Kéo đến rạch Chà Là 100m và rạch Giáp Nước 400m	1,2
27	nt	Hết ranh Khu nghĩa địa (Trung tâm xã)	Cầu kênh Nước Lộn	1,0
28	Xã Tân Ân Tây	Vàm Ông Như	Vàm Ông Quyền (Dọc theo sông Cửa Lớn)	1,0
29	nt	Bến phà sông Cửa Lớn	Cầu ông Định	1,2
30	nt	Cầu Rạch Chà Là	Hết ranh quy hoạch KDC Dơi Giá	1,0
31	nt	Ranh quy hoạch KDC Dơi Giá	Cầu kênh Vờ Hào Thuật	1,0
3. Xã Tân Ân				
32	Xã Tân Ân	Rạch Ô Rô	Cầu Nhà Phiếu	1,2
33	nt	Cầu Nhà Phiếu	Cầu Nhà Diệu	1,2
34	nt	Cầu Nhà Diệu	Cầu Dinh Hàng	1,2
35	nt	Cầu Dinh Hàng	Cửa Hóc Năng (Hết ranh đất dự án CWPĐ)	1,0
4. Xã Viên An Đông				
36	Xã Viên An Đông	Ranh đất ông Phan Văn Thiết	Hết ranh đất ông Phan Văn Sấy	1,2
37	nt	Cầu Lão Nhược (Ranh đất ông Nguyễn Bé Em)	Hết ranh Trường trung học cơ sở	1,2
38	nt	Ranh đất ông Trần Quốc Khởi	Hết ranh đất ông Đoàn Tuấn	1,0

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
39	nt	Ranh đất ông Lê Văn Trong	Hết ranh đất ông Mạnh	1,2
40	nt	Cầu Lão Nhục	Hết ranh Trường Mẫu Giáo (Trường THCS cũ)	1,2
41	nt	Ranh đất ông Ngô Văn Sơn	Vàm Đốc Neo	1,2
42	nt	Ranh đất cơ sở sản xuất nước đá Hiền Phúc	Vàm Nhưng Miên	1,2
43	nt	Vàm Biện Nhạn	Vàm Ông Miếu	1,2
44	Xã Viên An Đông	Vàm Xẻo Lá (Từ trụ điện vượt sông)	Hết ranh Trạm viễn thông	1,2
45	nt	Cụm dân cư ngã ba Cạnh Đền từ ngã ba ra mỗi hướng + 300m		1,2
46	nt	Cụm ngã ba So Dũa		1,2
47	nt	Khu Trung tâm chợ xã Viên An Đông		1,2
5. Xã Viên An				
48	Xã Viên An	Vàm Ông Trang	Hết ranh đất ông Tám Chương (Khu phố A)	1,2
49	nt	Bốn khu phố A; B; C; D		1,2
50	nt	Ranh Nhà lồng chợ	Hết ranh Nhà Đền cũ	1,2
51	nt	Ranh đất Hạng nước đá Thùy Trang	Hết ranh Khu xăng dầu	1,2
52	nt	Khu kiốt	Hết ranh Nhà lồng chợ	1,2
53	nt	Hết ranh Nhà Đền cũ	Vàm Ông Đồi	1,2



Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
	Từ	Đến	
(2)	(3)	(4)	(5)
54	Xã Viên An	Ranh đất ông Tư Đen	Hết ranh Trạm y tế xã
55	nt	Hết ranh Trạm y tế xã	Hết ranh đất ông Ba Dũng
56	nt	Ranh đất đền thờ Bác Hồ	Rạch Xẻo Bè
57	nt	Chợ Tắc Gốc	Ngã ba ra tuyến sông
58	nt	Chợ So Đũa	Ngã ba ra tuyến sông
59	nt	Vàm Ông Linh (Sắc Cò)	Ngã ba ra tuyến sông
60	nt	Khu cán bộ	
61	nt	Khu giáo viên	
62	nt	Vàm Ông Thuộc	Vàm Ông Đồi
63	nt	Ranh đất vuông tôm Quốc Phòng	Kênh xáng nhà lồng cũ
64	nt	Vàm Ông Trang	Cầu Ông Đồi
65	nt	Trạm Nước	Hết ranh đất ông Lê Văn Lốp
6. Xã Đất Mũi			
66	Xã Đất Mũi	Khu quy hoạch Trung tâm chợ xã	
67	nt	Ranh đất Đội thuế xã	Lộ Tè
68	nt	Giáp ranh khu quy hoạch Trung tâm chợ xã	Cầu Lạch Vàm

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
69	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Chuyển	Kênh Năm	1,2
70	nt	Ranh Trạ sở Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau	Hết ranh Đồn Biên Phòng 680	1,2
71	nt	Hết ranh Đồn Biên Phòng 680	Cửa Vàm Xoáy	1,0
72	Xã Đất Mũi	Ranh đất nhà bà Nho	Hết ranh đất nhà ông Hai Hòa	1,0
73	nt	UBND xã Đất Mũi	Kênh Năm (2 bên)	1,2
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2



PHỤ LỤC III: HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Tên loại đất		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 (K)
01	Đất trồng cây hàng năm (Đất trồng lúa, Đất trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, Đất trồng cây hàng năm còn lại, Đất nuôi trồng thủy sản, Đất nuôi trồng thủy sản kết hợp trồng lúa)	1,0
02	Đất trồng cây lâu năm	1,0
03	Đất rừng sản xuất :	1,0
	+ Khu vực Rừng ngập lợ	
	+ Khu vực Rừng ngập mặn	
	+ Đất rừng sản xuất kết hợp nuôi trồng thủy sản	
04	Đất rừng phòng hộ (Rừng phòng hộ rất xung yếu và rừng phòng hộ xung yếu)	1,0
	+ Đất rừng phòng hộ xung yếu	
	+ Đất rừng phòng hộ kết hợp nuôi trồng thủy sản	
05	Đất rừng đặc dụng	1,0
06	Đất làm muối	1,0



PHỤ LỤC IV: QUY ĐỊNH ÁP DỤNG HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT

1. Nguyên tắc áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Bảng hệ số điều chỉnh giá đất chỉ áp dụng để tính giá trị thị trường cho các thửa đất, khu đất có giá trị dưới 20 tỷ đồng/thửa hoặc khu đất.

2. Trình tự xác định giá trị thị trường đối với từng thửa đất hoặc khu đất cụ thể

Áp dụng Hệ số điều chỉnh giá đất cho từng tuyến đường, loại đất để tính giá trị quyền sử dụng đất cho từng thửa đất hoặc khu đất cụ thể nằm trên tuyến đường và loại đất đó, phải tuân thủ các bước sau:

- Bước 1. Phải áp dụng đồng thời Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 với Bảng giá các loại đất năm 2015 trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo nguyên tắc phải trùng khớp tên đường (khu vực, đoạn đường) để xác định giá đất tại tuyến đường, loại đất và hệ số áp dụng tính giá trị thị trường cho từng tuyến đường, loại đất đó.

- Bước 2. Xác định giá trị thị trường của tuyến đường, loại đất

Giá trị thị trường của từng tuyến đường, loại đất bằng (=) Giá đất cùng tuyến đường được quy định tại Bảng giá đất năm 2015 nhân (x) với Hệ số điều chỉnh giá đất của tuyến đường đó.

- Bước 3. Xác định giá trị thị trường cho từng thửa đất hoặc khu đất cụ thể:

Giá trị thị trường của từng tuyến đường, loại đất được xác định tại Bước 2 làm cơ sở tính giá trị thị trường của từng thửa đất hoặc khu đất được quy định tại Quy định áp dụng Bảng giá các loại đất 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

3. Trình tự xác định giá trị thị trường đối với đất hẻm

- Bước 1. Sau khi xác định được giá trị thị trường của từng tuyến đường tại Bước 2, mục 2 nêu trên là xác định được giá trị thị trường của đường chính có hẻm cần xác định giá.

- Bước 2. Xác định giá trị thị trường của thửa đất hoặc khu đất cụ thể thuộc hẻm

Chọn giá trị thị trường của tuyến đường chính đã được xác định tại Bước 1 làm cơ sở áp dụng cách tính được quy định tại Bảng giá các loại đất năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau để xác định giá trị thị trường từng thửa đất hoặc khu đất cụ thể có vị trí trong các hẻm thuộc tuyến đường chính đó.

Riêng trường hợp tuyến đường có mức giá đất ở từ 14.000.000 đồng/m² trở lên tính theo Bảng giá các loại đất năm 2015 thì giá trị thị trường của đất hẻm được tính bằng (=) giá đất hẻm (Bảng giá đất ở hẻm quy định tại Bảng giá các loại đất năm 2015) nhân (x) với Hệ số điều chỉnh giá đất của tuyến đường đó./.